



NHÀ PHÂN PHỐI THÉP CHUYÊN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin chung	04
Lịch sử hình thành và phát triển	06
Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	08
Mạng lưới hoạt động	10
Sơ đồ tổ chức doanh nghiệp	12

26 năm ĐỘT PHÁ & VƯƠN LÊN

CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CTCP	: Công ty Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
KCN	: Khu công nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
TGD	: Tổng Giám đốc
PTGD	: Phó Tổng Giám đốc

HDQT	: Hội đồng Quản trị
XNK	: Xuất nhập khẩu
VPĐD	: Văn phòng đại diện
BKS	: Ban Kiểm soát
CP	: Cổ phiếu
CBCTVN	: Công đoàn công thương Việt Nam
KDTH	: Kinh doanh Tổng hợp
KD.XNK	: Kinh doanh Xuất nhập khẩu
GNKV	: Giao nhận kho vận
KDDA	: Kinh doanh dự án
HC - NS	: Hành chính Nhân sự
TC-KT	: Tài chính Kế toán
QL & KS	: Quản lý và Kiểm soát

MỤC LỤC



PHỦ RỘNG TẦM HOẠT ĐỘNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	16
Giải thưởng đến năm 2014	18
Chỉ số tài chính nổi bật năm 2014	19
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	20
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	28



ĐỔI MỚI ĐỂ KHẲNG ĐỊNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	32
Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	32
Bảng tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh công ty năm 2014	34
Đánh giá các chỉ tiêu tài chính trọng yếu trong hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 2014	36



GẮN KẾT VÀ SẴN CHIA

Báo cáo Phát Triển Bền Vững	42
Tổ chức và Nhân sự	52
Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Chiến lược hoạt động năm 2015	54
Quản trị doanh nghiệp	56
Công ty con/ Công ty liên doanh liên kết	60



DẪN ĐẦU TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	70
Báo cáo kiểm toán độc lập	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	75
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	78
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	81



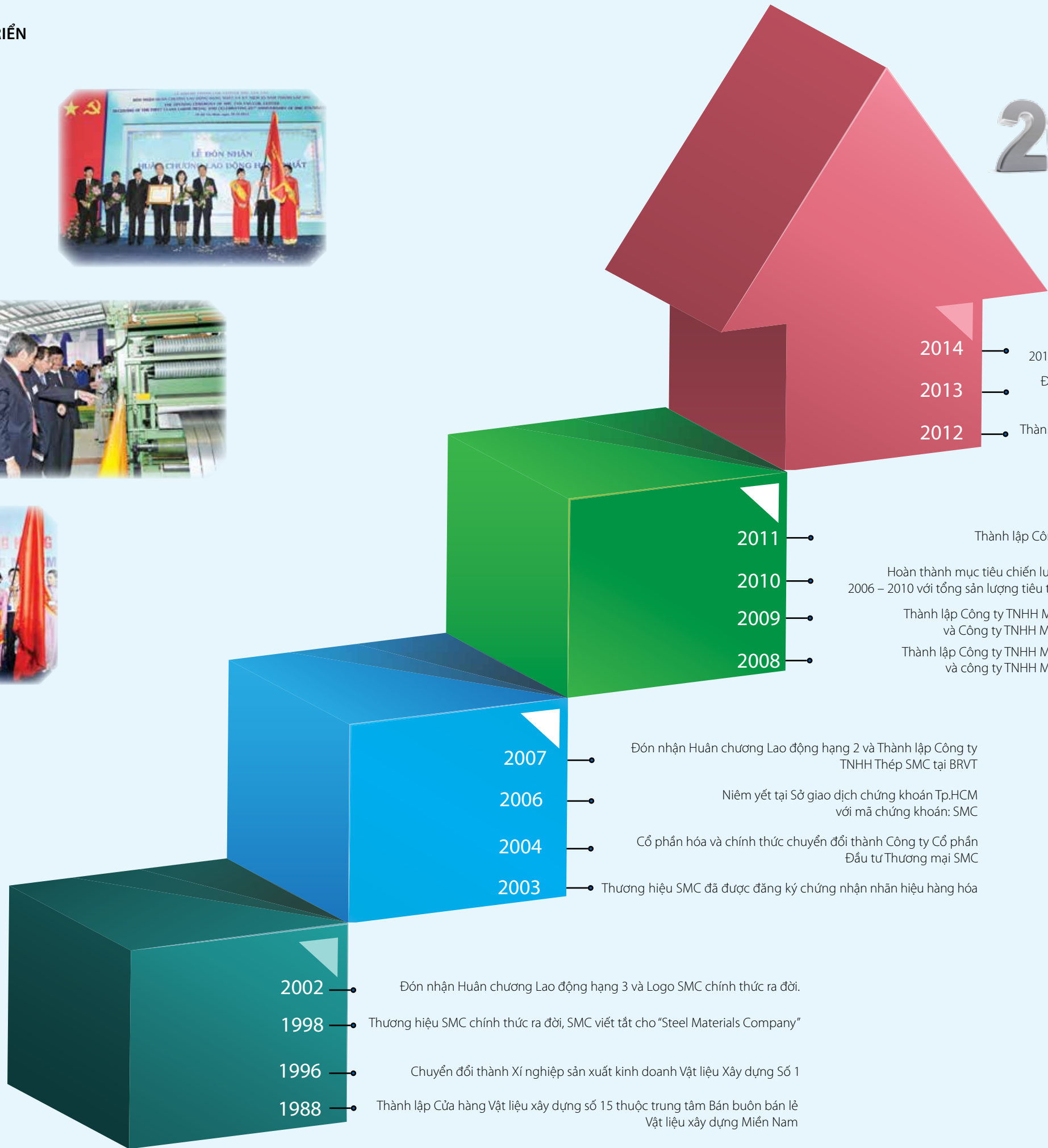
TỪ MỘT CỬA HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG, SAU 26 NĂM PHÁT TRIỂN VÀ NHẤT LÀ TỪ SAU KHI CỔ PHẦN HÓA, SMC CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VÀ TRỞ THÀNH NHÀ KINH DOANH THÉP THÀNH PHẨM LỚN NHẤT CẢ NƯỚC. VỚI THỂ MẠNH CỦA NHÀ SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI KINH NGHIỆM ĐÃ GIÚP SMC KHÔNG NHỮNG TRỤ VỮNG, MÀ CÒN ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ QUAN TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ.



Tên tiếng Việt	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	SMC Investment Trading Joint Stock Company
Tên giao dịch	Steel Materials Company
Tên viết tắt	SMC
Trụ sở chính	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại	(84 - 08) 38 99 22 99
Fax	(84 - 08) 38 98 09 09
Website	www.smc.vn
Vốn điều lệ	295.183.610.000 đồng
Mã chứng khoán	SMC
Mệnh giá	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	29.518.361 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX)
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thiết bị xây lắp các loại, thiết bị cơ khí, khung kho, nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm thép inox.
	Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sửa chữa nhà ở và trang trí nội ngoại thất theo quy định pháp luật
	Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở theo quy định pháp luật
	Kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm
	Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu
	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



26 năm ĐỘT PHÁ & VƯƠN LÊN



2014 Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2011 – 2015 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 867 ngàn tấn

2013 Đón nhận Huân chương Lao động hạng 1 và Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo

2012 Thành lập liên doanh SMC – Summit giữa SMC và Tập đoàn Summitomo Nhật Bản

2011 Thành lập Công ty CP SMC Hà Nội

2010 Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2006 – 2010 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 558 ngàn tấn

2009 Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép

2008 Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương và công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

2007 Đón nhận Huân chương Lao động hạng 2 và Thành lập Công ty TNHH Thép SMC tại BRVT

2006 Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC

2004 Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

2003 Thương hiệu SMC đã được đăng ký chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa

2002 Đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 và Logo SMC chính thức ra đời.

1998 Thương hiệu SMC chính thức ra đời, SMC viết tắt cho "Steel Materials Company"

1996 Chuyển đổi thành Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Vật liệu Xây dựng Số 1

1988 Thành lập Cửa hàng Vật liệu xây dựng số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ Vật liệu xây dựng Miền Nam





Thép cuộn



Thép xây dựng



Thép lá

- Thép xây dựng bao gồm thép cuộn, thép tròn trơn, thép gân.
- Thép cán nóng, cán nguội, xà gỗ, lưới thép hàn, thép lá, thép cường độ cao, thép ống, thép hình, thép không theo quy chuẩn, ...
- Bốn hệ thống Coil Center từ Bắc vào Nam (Hà Nội, BRVT và TP. HCM) với trang thiết bị máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Đài Loan theo công nghệ của Đức, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên gia công xả bằng, cắt tấm các loại thép lá cán nguội, thép tấm cán nóng, thép lá mạ điện, thép lá mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.

Hệ thống Coil Center	Công suất	Đơn vị
Máy cắt tấm thép cán nguội	116.000	Tấn/năm
Máy cắt tấm thép cán nóng	145.000	Tấn/năm
Máy xả bằng thép cán nguội	108.000	Tấn/năm
Máy xả bằng thép cán nóng	120.000	Tấn/năm



Ghi chú: máy Coil Center.



Thép cán nóng



Thép cán nguội



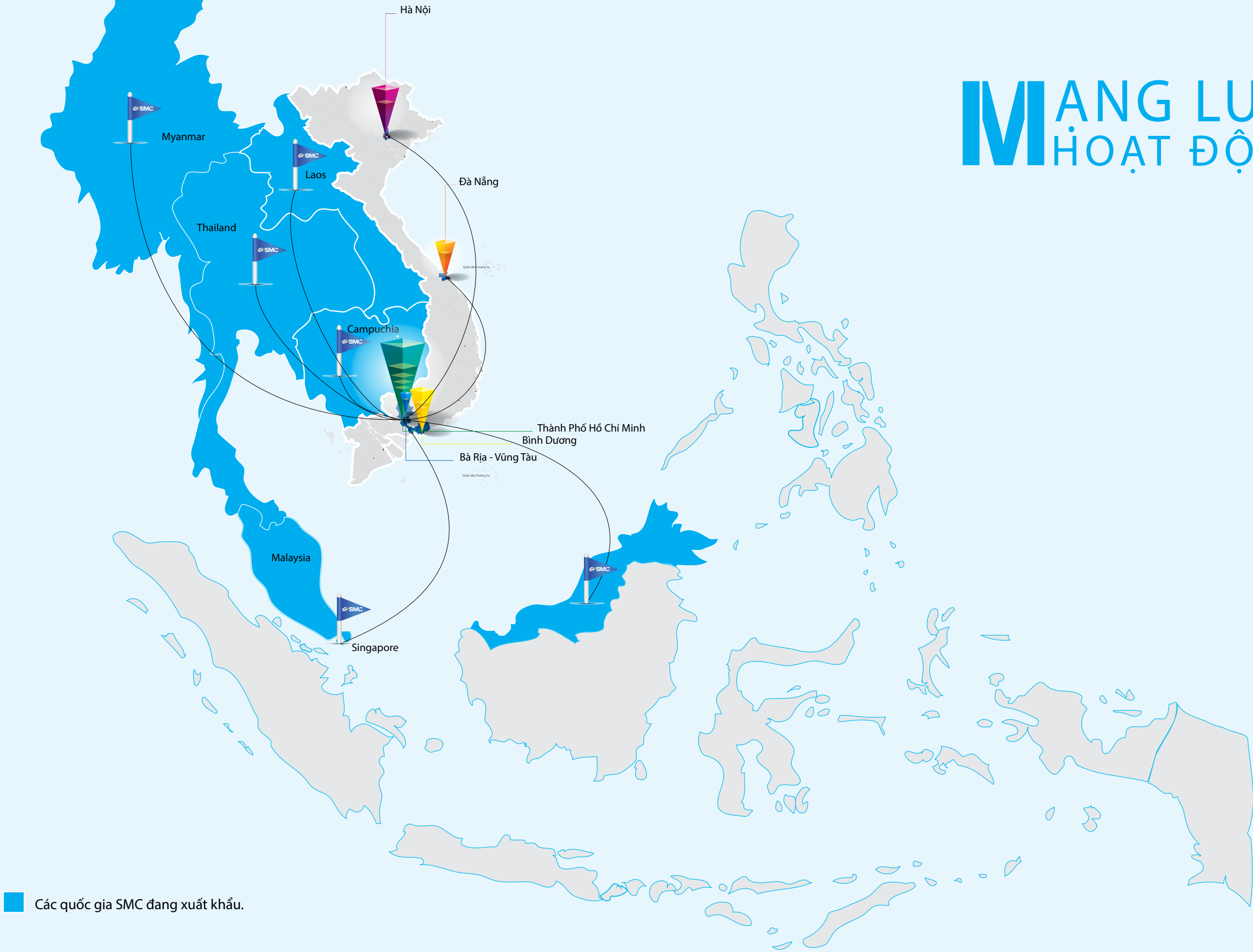
Xà gỗ

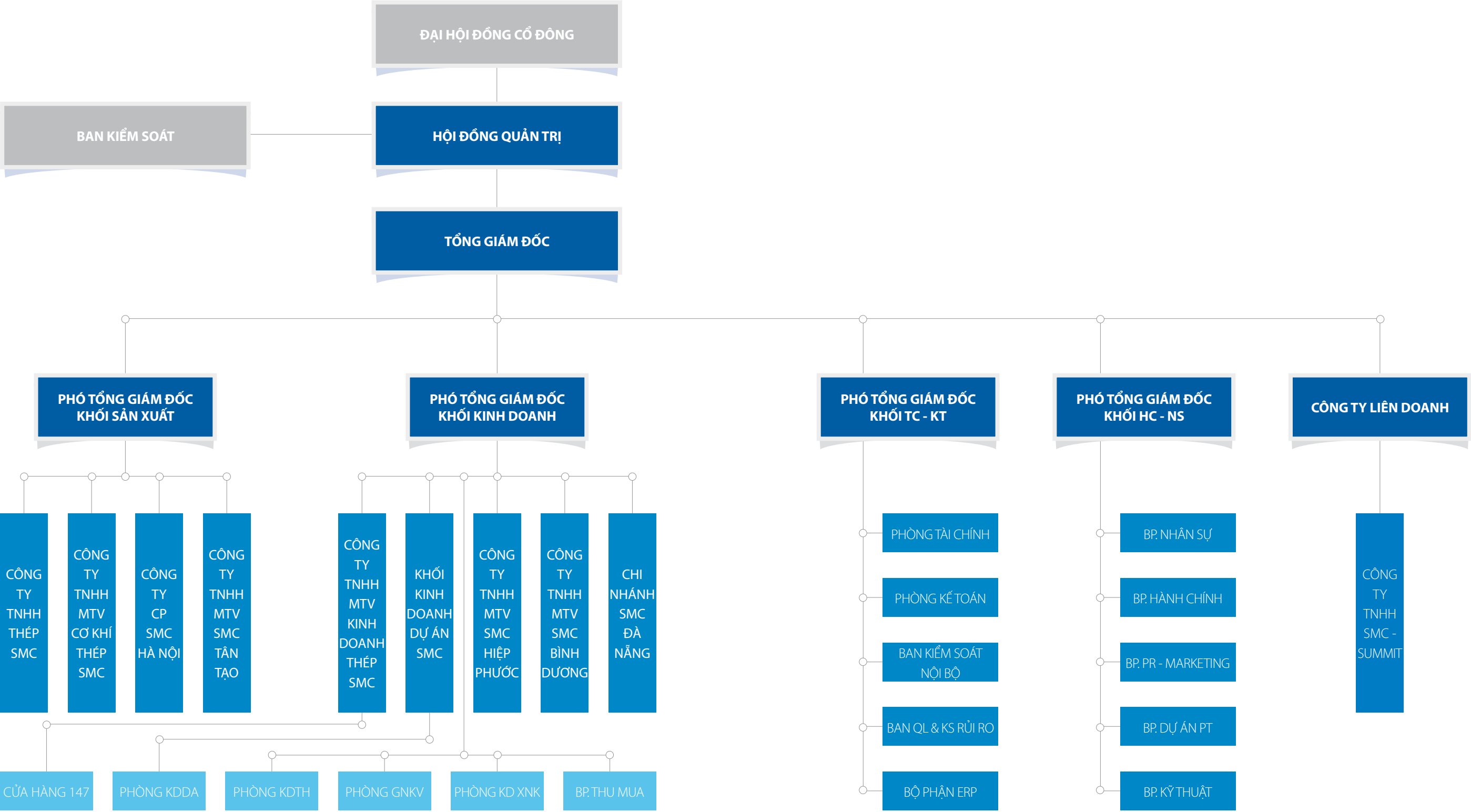


Lưới thép hàn Euro Mesh



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG





● TẦM NHÌN

Là doanh nghiệp thép uy tín và chuyên nghiệp

● HOÀI BÃO

“Nói đến thép, nghĩ đến SMC - Nói đến SMC, nghĩ đến thép”

● SỬ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững cho ngành thép Việt Nam.

● GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chuyên nghiệp trong mọi hoạt động
- Tối đa hóa lợi ích khách hàng
- Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
- Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động
- Uy tín
- Tinh thần học hỏi



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	16
Giải thưởng đến năm 2014	18
Chỉ số tài chính nổi bật năm 2014	19
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	20
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	28



VỚI 4 NHÀ MÁY GIA CÔNG CHẾ BIẾN THÉP TẤM CÁN NÓNG, THÉP LÁ CÁN NGUỘI VÀ THÉP MẠ CÁC LOẠI, CÓ NĂNG LỰC HƠN 300.000 TẤN/NĂM, CỘNG THÊM ĐỘI NGŨ KINH DOANH PHÂN PHỐI THÉP XÂY DỰNG MẠNH NHẤT TRONG CẢ NƯỚC, NĂM QUA SMC ĐÃ ĐẠT ĐẾN SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KỶ LỤC VỚI HƠN 860.000 TẤN BAO GỒM TẤT CẢ CÁC SẢN PHẨM THÉP, CẢ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH TRONG NỘI ĐỊA CŨNG NHƯ THAM GIA XUẤT NHẬP KHẨU.



Kính thưa quý Cổ đông,

Thêm 1 năm nữa đi qua, tuổi đời của SMC thêm dày và tiếp tục có thêm nhiều thách thức, trui rèn. Không thể khẳng định năm nay là năm thắng lợi trong hoạt động nhưng cũng không thể xem đây là năm thất bại trên còn đường phát triển đi lên của mình. Khó khăn vẫn tiếp tục, hết lớp này đến lớp khác, bên cạnh sự vững vàng, mạnh mẽ vượt qua cũng đã có nhiều vấp vấp, gian nan. Nhưng điều mạnh mẽ nhất vẫn là sự vươn lên quyết liệt, chấp nhận đổi mới và tìm mọi cách để đưa hệ thống SMC vững bước đi lên.

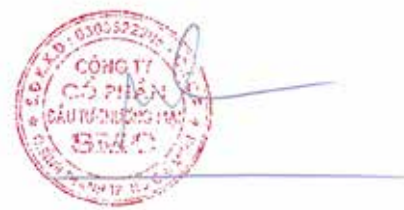
Với 4 nhà máy gia công chế biến thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội và thép mạ các loại, có năng lực hơn 300.000 tấn/năm, cộng thêm đội ngũ kinh doanh phân phối thép xây dựng mạnh nhất trong cả nước, năm qua SMC đã đạt đến sản lượng tiêu thụ kỷ lục với 860.000 tấn bao gồm tất cả các sản phẩm thép, cả sản xuất và kinh doanh trong nội địa cũng như tham gia xuất nhập khẩu. Như vậy trong năm 2014 toàn hệ thống đã tiêu thụ tăng hơn năm 2013 gần 150.000 tấn, vượt xa mục tiêu đề ra đến năm 2015 là 800.000 tấn. Điều này cũng đòi hỏi sự tăng cường mạnh mẽ trên mọi mặt hoạt động như nguồn lực nhân sự, kho tàng máy móc thiết bị, nguồn lực về tài chính, vốn, cũng như khả năng quản trị, điều hành. Năm 2014 cũng là năm đáng tự hào của SMC trong việc giành được những hợp đồng tiêu thụ từ các thương hiệu nổi tiếng toàn cầu đã đầu tư vào Việt Nam như Khu Liên hợp gang thép - cảng nước sâu Formasa - Hà Tĩnh, các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Samsung - VietNam và nhất là tuyến Metro số 1 đầu tiên ở TP. Hồ Chí Minh Việt Nam. Có thể nói đây là sự chọn lựa chính xác đối tác cung cấp từ phía nhà tiêu thụ nước ngoài cũng như sự khẳng định của SMC đủ sức đáp ứng các đòi hỏi khắt khe phục vụ theo yêu cầu thị trường và các đối tác nước ngoài.

Tuy vậy năm 2014 cũng là năm mà SMC có hiệu quả kinh doanh kém, không hoàn thành mục tiêu được giao, dù sản lượng và doanh số vượt rất cao. Đây cũng chính là trở lực lớn cho việc tích lũy phát triển nguồn vốn trong những năm tiếp theo của toàn hệ thống, làm cho thị giá cổ phiếu SMC trên sàn chứng

khoán giảm giá và kém hấp dẫn các nhà đầu tư.

Bước sang năm 2015, với tình hình giá dầu thế giới sụt giảm mạnh từ Quý 4/2014 kéo theo sự giảm giá của các ngành khai thác khoáng sản trong đó có quặng sắt, ngành thép tiếp tục có giá liên tục đi xuống đang là thách thức lớn cho các doanh nghiệp kinh doanh sắt thép có lượng tồn kho lớn. Toàn hệ thống SMC đang căng sức để đối phó và chống đỡ quyết liệt với bài toán hiệu quả, nhưng đây cũng chỉ là một thách thức mà SMC phải đối phó nhiều lần và có nhiều kinh nghiệm. Với bề dày truyền thống và sức mạnh thực sự của thương hiệu, vị thế trên thương trường, SMC tin tưởng sẽ vượt qua và vững vàng đi lên đưa hệ thống SMC phát triển và lớn mạnh hơn.

Trân trọng,



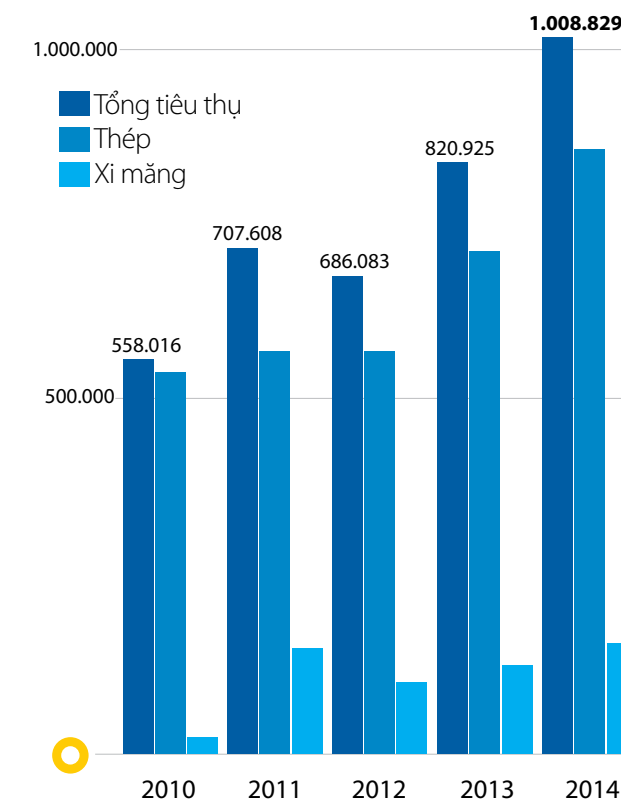
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
NGUYỄN NGỌC ANH



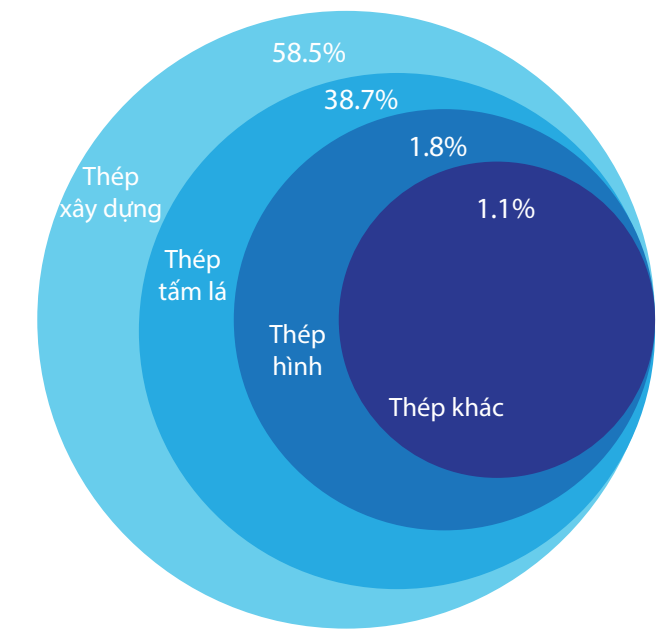


- 2013 • Huân chương lao động Hạng 1 của Nhà nước khen tặng
- 2005, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012 • Giải thưởng Sao vàng đất Việt – Top 100 thương hiệu Việt Nam
- 2009, 2010 • Nhà phân phối bán lẻ xuất sắc Việt Nam
- 2008, 2009 • Giải thưởng thương mại dịch vụ tốt nhất
- 2007, 2008, 2009 • Thương hiệu mạnh Việt nam
- 2008 • Cờ thi đua của thủ tướng chính phủ
- 2008 • Giải thưởng doanh nghiệp tổ chức và phát triển hệ thống phân phối tốt nhất
- 2007, 2008 • Top 500 doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất Việt Nam
- 2007 • Huân chương lao động hạng 2 của nhà nước khen tặng
- 2002 • Huân chương Lao động hạng 3 của nhà nước khen tặng

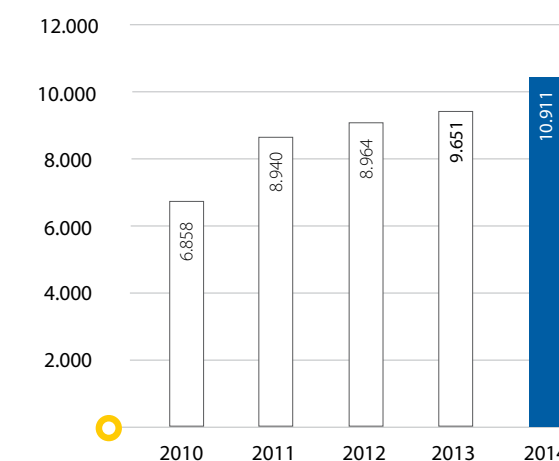
TỔNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÉP VÀ XI MĂNG (tấn)



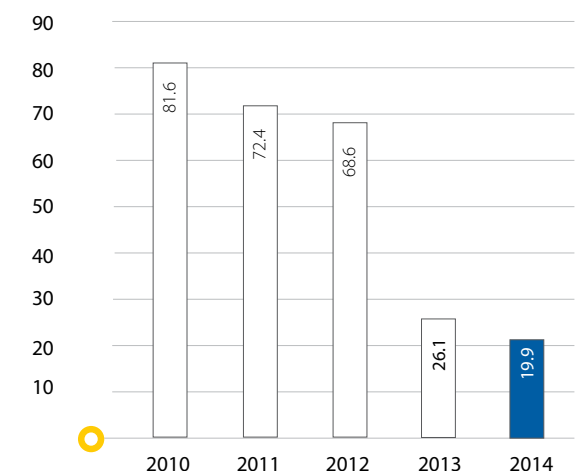
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ 2014



DOANH THU THUẦN (tỷ đồng)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (tỷ đồng)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN NGỌC ANH**

Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC / Thành viên HĐQT CTCP Thép Thống Nhất / Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Nam Khang



Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN**

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC



Ông **VÕ HOÀNG VŨ**

TV HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC



Ông **MA ĐỨC TÚ**

TV HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC / Phó Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủ Đức / Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc 9



Ông **TAIRA YOSHIYUKI**

TV HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC / Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hanwa Việt Nam



Bà **VŨ THỊ THANH HỒNG**

TV HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC / Trưởng văn phòng đại diện Công ty quản lý quỹ Bảo Việt – Chi nhánh TP. HCM

ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ
HĐQT HỌP CÙNG VỚI
BAN KIỂM SOÁT, BAN TGD
VÀ MỘT SỐ CÁN BỘ CHỦ
CHỐT CỦA CÔNG TY ĐỂ
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA
HĐQT VÀ KẾT QUẢ KINH
DOANH CỦA QUÝ; THẢO
LUẬN VÀ THỐNG NHẤT
NHỮNG CHỦ TRƯỞNG,
GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH; KẾ
HOẠCH KINH DOANH QUÝ
TIẾP THEO.



TÌNH HÌNH CHUNG

Tháng 10/2014 HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Tuấn Dũng Hùng giữ chức vụ Giám đốc tài chính kể từ ngày 9/10/2014 thay thế cho Ông Nguyễn Bình Trọng.

Các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về quản trị Công ty của pháp luật. Tuy nhiên trong năm 2014 HĐQT chưa phân bổ được thời gian để tham gia khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp.

Định kỳ hàng quý HĐQT họp cùng với Ban Kiểm soát, Ban TGD và một số cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh của quý; thảo luận và thống nhất những chủ trương, giải pháp điều hành; kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức nhiều cuộc họp bất thường nhằm xem xét, thông qua kịp thời các chủ trương quan trọng liên quan đến công tác điều hành của Ban TGD.

Trong năm 2014 HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp, qua đó ban hành 06 Nghị quyết về các vấn đề quan trọng cần quyết nghị.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TGD VÀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2014:

Năm 2014 Ban TGD đã nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu sản lượng, tạo đà đi lên rất thuận lợi cho hoạt động của SMC, liên tục xoay chuyển tìm kiếm và phát triển các mặt hàng mới, có lợi nhuận biên cao để gia tăng hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống; Duy trì và phát triển thương hiệu và vị thế của SMC trên thương trường; Giữ vững và phát huy sức mạnh của toàn hệ thống, ổn định bộ máy, mạnh dạn đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa; Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của toàn hệ thống với chi phí sử dụng vốn thấp, quản lý tốt dòng tiền.

Tuy nhiên, đây là năm thứ ba liên tục dưới sự điều hành hoạt động của Ban TGD, SMC chưa đạt được mục tiêu lợi nhuận, nguyên nhân do tình hình khó khăn từ trong nước đến ngoài nước, từ các ngành kinh tế chung đến ngành thép, cộng thêm yếu tố chủ quan về hàng hóa tồn kho giá cao từ năm trước chuyển sang và giá cả liên tục sụt giảm không thể tiên lượng khiến SMC không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.

BÁO CÁO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2014

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ%
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	750.000	867.378	115,7
- Thép xây dựng	Tấn	455.000	507.136	111,5
- Thép tấm lá	Tấn	275.000	335.360	121,9
- Thép khác	Tấn	20.000	24.882	124,4
Tổng sản lượng xi măng và clinker tiêu thụ	Tấn	100.000	141.451	141,5
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.000	10.911	109,1
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50.0	19.9	39,8
Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền mặt)	Đồng/cp	1.000	500	50,0
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán DFK ViệtNam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014			

ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ CHÍNH TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014

ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO VÀ TOÀN THỂ HỆ THỐNG SMC ĐÃ CHỦ ĐỘNG BẮM SÁT THỰC HIỆN CÁC CHIẾN LƯỢC KINH DOANH ĐÃ ĐỀ RA, LINH HOẠT TRONG ĐIỀU HÀNH VÀ NĂNG ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NHẪM ỨNG PHÓ KỊP THỜI VỚI NHỮNG DIỄN BIẾN PHỨC TẠP CỦA NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG.

Kinh tế cả nước và ngành thép trong năm 2014 ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực. Tăng trưởng kinh tế hồi phục với tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn những năm trước đạt mức 5,98%. Chỉ số CPI bình quân năm 2014 chỉ tăng 4,09% so với năm 2013, là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại được cải thiện đáng kể, tỷ giá ngoại tệ ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao, và mặt bằng lãi suất chung tiếp tục giảm 1-2% so với cuối năm trước. Thị trường bất động

sản cũng bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc nhờ những giải pháp hỗ trợ hiệu quả hơn của chính phủ cũng như nguồn vốn mới từ đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo đó, tiêu thụ các nhóm vật liệu xây dựng đã sôi động hơn so với năm trước. Tổng tiêu thụ xi măng tăng 8,7% trong đó xuất khẩu xi măng và clinker toàn ngành tăng 13% so với năm trước. Tổng tiêu thụ thép toàn ngành năm 2014 đạt gần 13,9 triệu tấn, tăng 16,8% so với cùng kỳ, trong đó tiêu thụ thép xây dựng đạt gần 5,4 triệu tấn, tăng 14,2%, tiêu thụ ống



thép đạt gần 1,2 triệu tấn, tăng mạnh 51,9%, và tiêu thụ nhóm hàng tôn mạ đạt hơn 3,5 triệu tấn, tăng 34,6% so với năm trước đó. Đồng hành cùng mức tăng chung của toàn ngành và tận dụng các lợi thế riêng về thương hiệu, danh mục hàng hoá đa dạng, năng lực hoạt động và phân phối mạnh với hệ thống Coil center và kho bãi hiện đại, đội ngũ lãnh đạo và nhân viên tâm huyết, dày dặn kinh nghiệm, SMC đã đẩy mạnh hoạt động gia công và phân phối, đưa tổng tiêu thụ thép tăng 20,9% và tiêu thụ xi măng tăng 36,6% so với năm 2013. Đây là mức tăng trưởng về sản lượng đáng khích lệ không chỉ vì cao hơn mức tăng chung của ngành, mà còn vì nỗ lực của doanh nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh vẫn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố biến động bất ngờ và bất lợi.

Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhìn chung đã bớt nhưng vẫn chưa hết khó khăn do những bất ổn về kinh tế chính trị trong và ngoài nước. Điển hình là việc siết chặt tài trọng, đẩy giá cước và chi phí vận tải tăng gấp đôi, trong khi doanh nghiệp không thể điều chỉnh giá bán ngay cho khách hàng. Sự kiện Biển Đông và bạo loạn trong nước tại các khu công nghiệp lớn gây nên sự căng thẳng, bất ổn và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp nước ngoài, tác động tiêu cực trực tiếp đến hoạt động kinh doanh có liên quan của SMC. Năm 2014 còn chứng kiến xu hướng giá giảm liên tiếp và đồng loạt của các nguyên vật liệu thép trên toàn thế giới, trong đó giá quặng sắt và thép phế giảm mạnh nhất, kéo theo sự điều chỉnh giá của

các sản phẩm thép khác như phôi thép, HRC, và CRC. Giá đầu vào liên tục giảm dẫn đến tổn kho giá cao trong khi giá bán cũng phải điều chỉnh theo xu hướng chung ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong khi giá thép vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục thì việc giá dầu giảm đột ngột, giảm mạnh và sâu trong những tháng cuối năm tiếp tục đẩy giá thép đi xuống; cùng với yếu tố ngoại tệ của các nước sản xuất và xuất khẩu thép lớn trên thế giới như Nga và Ấn Độ giảm sâu làm cho giá cả cạnh tranh khốc liệt, là một thử thách rất lớn đối với SMC cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRONG NIÊN ĐỘ TIẾP THEO

- Tiếp tục đi theo con đường cốt lõi đã chọn từ nhiều năm qua, đó là kinh doanh và chế biến các loại sắt thép, hướng tới mục tiêu tiêu thụ 1 triệu tấn thép/năm, tuy nhiên năm 2015 sẽ không tập trung về số lượng, toàn hệ thống tập trung vào phương châm “chất lượng & hiệu quả”, dựa trên nền tảng của sự ổn định, đảm bảo sự vững chắc và tồn tại lâu dài.

- Nâng dần tỷ lệ thép dẹt trong tổng cơ cấu tiêu thụ, đảm bảo sử dụng tốt công suất máy móc thiết bị, từng bước mở rộng và nâng cao giá trị các sản phẩm thép sau gia công chế biến.

- Công tác tài chính kế toán: đảm bảo tốt việc khai thác các nguồn vốn tín dụng và quản lý chặt chẽ các nguồn vốn dùng vào sản xuất kinh doanh với chi phí sử dụng vốn tốt nhất, giảm dần và tiến tới xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu, nợ đọng.

- Tăng cường công tác dự báo, dự đoán xu hướng thị trường trong nước và quốc tế.



- Tiếp tục bổ sung và cải thiện chất lượng đội ngũ nhân sự, vừa đủ sức vượt qua khó khăn, vừa có sự phát triển phù hợp với sự vươn lên của doanh nghiệp.

- Duy trì và phát huy văn hoá doanh nghiệp trên tinh thần vì lợi ích chung, vì lợi ích khách hàng và vì mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững nhằm xác lập rõ nét sự khác biệt trong cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.



Bên cạnh các khó khăn, các yếu tố khách quan chung, cùng các rủi ro về chính sách, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu, và rủi ro bất khả kháng khác, SMC cũng gặp nhiều thách thức không nhỏ do đặc thù kinh doanh và do các yếu tố chủ quan của doanh nghiệp. Do đó, SMC luôn linh hoạt trong công tác quản trị và vận hành kinh doanh, xây dựng chiến lược quản lý rủi ro, thành lập ban quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro hoạt động tích cực và có hiệu quả để giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi tác động lên kết quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

Quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Đồng hành cùng sự hồi phục của nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng tiêu thụ của ngành, SMC cũng tự trang bị và đầu tư cho mình hệ thống các nhà máy mới để có thể bắt kịp với nhịp tăng chung đảm bảo khả năng tăng trưởng hiệu quả của doanh nghiệp. Giá thép biến động theo xu hướng tiêu cực tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, nhưng ban điều hành luôn chú trọng áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt cùng với chính sách điều chỉnh hợp lý và cân đối giữa hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu và tồn kho, thành lập ban chuyên trách luôn bám sát và chủ động trong việc nghiên cứu thị trường thép, cập nhật phân tích đầy đủ và kịp thời giá thép trong và ngoài nước nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất gia công tại các nhà máy Coil Center cũng được kiểm soát chặt chẽ, kiểm tra và bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn vận hành an toàn và hiệu quả, đem lại các sản phẩm chất lượng tốt nhất theo yêu cầu của khách hàng.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro tài chính tín dụng

Việc đầu tư hệ thống Coil Center với tổng cộng 04 nhà máy có giá trị cao liên tục trong 03 năm vừa qua làm cho nguồn vốn đầu tư, kinh doanh và vốn lưu động của toàn hệ thống luôn trong tình trạng thiếu thốn, trong khi thị trường vốn cổ phiếu không thuận lợi cho việc phát hành thêm tăng vốn, dẫn đến việc huy động lớn từ nhiều nguồn vốn vay, đẩy tỷ trọng cơ cấu nợ/vốn liên tục tăng mạnh trong các năm vừa qua. Với tỷ trọng vốn vay quá cao, SMC rất dễ bị ảnh hưởng bởi các chính sách tín dụng cũng như bị tác động mạnh khi tỷ giá biến động. Nhà máy mới, doanh thu tăng, sản lượng bán hàng tăng, hàng tồn kho cũng phải tăng tương ứng, trong khi đó giá thép liên tục đi xuống dẫn đến tồn kho giá cao, hiệu quả kinh doanh thấp và rủi ro nợ phải thu khó đòi cao. Theo đó, SMC luôn bám sát và duy trì uy tín tín dụng cao với các tổ chức tín dụng và ngân hàng lớn nhằm đảm bảo khả năng vay vốn với hạn mức tín dụng cao và mức lãi suất thấp cạnh tranh. Đồng thời Công ty cũng linh hoạt trong các giải pháp thu hồi công nợ và xem xét căn cứ vào uy tín giao dịch, khả năng thanh toán của từng khách hàng trong từng thời điểm để có chính sách bán hàng, cấp hạn mức nợ và thu hồi công nợ phù hợp và hiệu quả.

Quản trị rủi ro nguồn nhân lực và các công ty thành viên

Với sự đầu tư, hợp tác kinh doanh và mở rộng không ngừng trong những năm qua, quy mô về nhân sự và các đơn vị thành viên của SMC ngày một lớn hơn đi cùng với các rủi ro về cạnh tranh nội bộ, về hoạt động kém hiệu quả của đơn vị thành viên, và về khả năng nắm giữ nhân sự chủ chốt. Thực tế, SMC với văn hóa doanh nghiệp vững chắc, thể hiện sự đoàn kết, thống nhất vì mục tiêu chung, các đơn vị thành viên và các bộ phận phòng ban đều có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cùng nhau vì sự phát triển chung của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, công ty cũng luôn triển khai thực hiện các chính sách đào tạo, thi đua, thưởng phạt, và đề bạt người lao động một cách đều đặn và hợp lý, đảm bảo là nguồn động lực để phấn đấu cho toàn thể nhân viên và các công ty thành viên.



Bà **HỒ THỊ NGỌC TUYẾT**

Trưởng Ban Kiểm soát

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

• HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, luôn chỉ đạo kịp thời để toàn hệ thống vượt qua mọi khó khăn, thách thức, luôn tạo cơ hội để gia tăng hiệu quả kinh doanh, xây dựng hệ thống ngày càng vững chắc.

• Các hoạt động của HĐQT đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có Ban kiểm soát tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng quy định.



Ông **NGUYỄN HỮU KINH LUÂN**

Thành viên Ban Kiểm soát

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• Tổng giám Đốc đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đầy đủ, kịp thời, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều Lệ Công ty.

• Mặc dù liên tục đối mặt với rất nhiều khó khăn trong năm qua nhưng Tổng Giám Đốc đã hết sức nỗ lực điều hành, duy trì hoạt động của doanh nghiệp ngày càng ổn định. Ban TGD cũng luôn quan tâm đến các hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn, Đoàn Thanh Niên trong doanh nghiệp, luôn duy trì các chủ trương về thực hiện nhiệm vụ đối với XH, chia sẻ với cộng



Bà **TRẦN THỤY BÍCH HÂN**

Thành viên Ban Kiểm soát

đồng, đồng hành cùng các hoạt động gây quỹ từ thiện vì người nghèo, duy trì thực hiện các chế độ, chính sách về lương, thưởng cho CB CNV.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2014

ĐÁNH GIÁ BCTC HỢP NHẤT

BKS đồng ý với ý kiến của Công ty Kiểm toán DFK về Báo cáo tài chính của Công Ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Báo cáo Tài Chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

• SMC đã hoàn thành kế hoạch đầu tư của giai đoạn 2011-2015 theo hướng tăng thêm giá trị cho sản phẩm thép, qua đó nâng cao sức cạnh tranh trước các đối thủ nước ngoài.

• Hệ thống bốn nhà máy gia công Coil Center, hai nhà máy chế biến thép cán nóng và hai nhà máy chế biến thép cán nguội luôn hoạt động ổn định.. với sản lượng tăng trưởng tốt qua các năm thực hiện , từ 23% trong tổng lượng tiêu thụ năm 2011, tăng lên 30,1%

trong năm 2012 và năm 2013 đạt 34,8% , đến năm 2014 đạt 38,7% tương ứng khối lượng thực hiện hơn 335 ngàn tấn.

• Hiệu quả hoạt động của của 04 nhà máy coil center trên đã góp phần tăng trưởng thị phần, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hơn. Tạo niềm tin cho các đối tác nước ngoài, mở rộng mối quan hệ hợp tác trong thời gian tới.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

• SMC huy động các nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD,

quản lý tốt dòng tiền. Tổng nợ vay ngắn và dài hạn tăng cao qua từng năm là điều thiết yếu nhằm đáp ứng cho nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh và vốn cho các dự án đầu tư dài hạn trong chiến lược phát triển của công ty.

• Trong năm 2014, tình hình tài chính Công ty vẫn duy trì được sự ổn định, vị thế của SMC với các tổ chức tín dụng ngày càng lớn mạnh và đi vào chiều sâu, đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn của SMC trên thương trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014			So với năm 2013 (%)
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	
Sản lượng	tấn	717.342	750.000	867.378	116	121
Doanh thu	tỷ	9.650	10.000	10.900	109	113
Lợi nhuận sau thuế	tỷ	26,1	50	19,8	40	76

Năm 2014 ghi nhận sự tăng trưởng khả quan về sản lượng với 867.378 tấn, tăng 16% so kế hoạch, tăng 21% so với năm 2013. SMC đã hoàn thành mục tiêu chiến lược 5 năm (2011 – 2015) là 800.000 tấn.

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

• Duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui trình theo tình hình thực tế hoạt động, mang tính chuyên nghiệp hơn để hướng dẫn cho toàn hệ thống thực hiện..

• Kiện toàn bộ máy, tăng cường quản lý giám sát để đáp ứng tốc độ phát triển của Doanh Nghiệp, của thị trường trong và ngoài nước.

• Tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp chia sẻ thông tin giữa các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng báo cáo quản trị về công tác quản lý, đầu tư tài chính... tạo điều kiện để Doanh Nghiệp hoàn thành mục tiêu năm 2015, đảm bảo lợi ích cao nhất cho Doang Nghiệp, cho cổ đông.

• Tiếp tục thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính chủ yếu ở các khâu : tín dụng , tỷ giá, tồn kho hàng nhập khẩu.

• Tiếp tục phát huy tính hệ thống, nâng cao quản trị thương hiệu đồng bộ trên toàn hệ thống, luôn đồng hành cùng các hoạt động hướng tới cộng đồng và góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

ĐỔI MỚI ĐỂ KHANG ĐỊNH

Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	32
Bảng tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh công ty năm 2014	34
Đánh giá các chỉ tiêu tài chính trọng yếu trong hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 2014	36

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC BAO GỒM 05 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ CÓ 03 THÀNH VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.



Ông **NGUYỄN NGỌC ANH**

Tổng Giám đốc



Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN**

Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc khối kinh doanh



Ông **VŨ HOÀNG VŨ**

Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc khối sản xuất



Ông **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc khối HC - NS



Ông **NGUYỄN BÌNH TRỌNG**

Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc khối tài chính



BẢNG TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY NĂM 2014

	Đơn vị	2012	2013	2014
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.963,7	9.651,1	10.911,4
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	8.718,7	9.378,1	10.588,5
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	244,9	273,1	322,9
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	46,1	24,3	10,0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,4	33,7	24,9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,6	26,1	19,9
Thu nhập BQ trên mỗi cổ phiếu	Đồng	2.324	883	674
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.723,0	2.505,9	3.571,5
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	196,9	302,9	458,5
Phải thu người mua	Tỷ đồng	1.092,2	938,9	1.026,1
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	372,7	1.157,6	1.159,8
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	417,3	562,0	531,6
Tài sản cố định	Tỷ đồng	300,8	374,9	356,0
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.140,3	3.068,0	4.103,1
Vay nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	696,6	1.094,4	2.671,5
Phải trả người bán	Tỷ đồng	669,5	1.225,8	710,0
Vay nợ dài hạn	Tỷ đồng	73,7	152,6	118,5
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.551,2	2.495,5	3.536,2
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	583,9	568,6	562,5
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	295,2	295,2	295,2
Lợi nhuận chưa phân phối	Tỷ đồng	44,6	19,0	12,9
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU				
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	0,3	7,7	13,1
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	%	-5,3	-62,0	-23,5
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	2,7	2,8	3,0
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	%	0,8	0,3	0,2
LNST / Doanh thu thuần (ROA)	%	3,2	0,8	0,5
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,7	4,6	3,5
Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	131,9	219,3	496,0

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2014

Cùng với sự hồi phục về tiêu thụ của toàn ngành, SMC tiếp tục phát huy năng lực cạnh tranh để gia tăng thị phần và sản lượng tiêu thụ trên thị trường. Với tổng sản lượng thép tiêu thụ năm 2014 đạt 867.378 tấn, tăng 20,9% so với năm trước đó, đạt 116% kế hoạch đề ra, và tổng sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 141.451 tấn, tăng 36,6% so với năm trước và hoàn thành 141,5% kế hoạch năm, doanh thu toàn hệ thống tiếp tục tăng trưởng lên 10.911 tỷ đồng, tương đương tăng 13,1% so với năm 2013 và đạt 109,1% kế hoạch năm, bất chấp những biến động bất lợi về giá bán.

Hoạt động chú trọng đầu tư và mở rộng hệ thống Coil Center trong những năm trước đó đã đem lại hiệu quả khả quan và là cơ sở quan trọng giúp SMC không ngừng tăng trưởng tổng sản lượng tiêu thụ và doanh thu. Đến cuối năm 2014, SMC đã trang bị tổng cộng 10 hệ thống cắt xả thép các loại, 04 nhà máy Coil Center gồm 02 nhà máy chế biến thép cán nóng và 02 nhà máy chế biến thép cán nguội, với tổng công suất chế biến lên đến 300.000 tấn/năm. Trong năm 2014, công ty cũng phát triển thêm các mặt hàng mới như gia công chế biến thép mạ khổ nhỏ, thép cán nóng khổ nhỏ, và dây chuyển thép cán lá, góp phần đa dạng hóa mặt hàng thép gia công chế biến, từ đó gia tăng sản lượng và hiệu quả chung cho toàn hệ thống. Nhờ đó, tổng sản lượng tiêu thụ thép dẹt năm 2014 đạt 335.360 tấn, vươn lên chiếm tỷ trọng cao tương đương 38,7% tổng sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống, từng bước làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của SMC từ một doanh nghiệp thuần túy thương mại chuyển sang lĩnh vực gia công chế biến có năng lực lớn trong cả nước.

Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt được tuy có cải thiện nhẹ nhưng các chi phí khác gồm chi phí khấu hao, chi phí dự phòng, chi phí bán hàng và chi phí vận chuyển tăng mạnh, lợi nhuận sau thuế năm 2014 do đó chỉ đạt 19,9 tỷ đồng, tương đương 39,8% kế hoạch cả năm, một lần nữa lỗi hẹn với cổ đông về khả năng hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được giao.

	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	2014/2013	Kế hoạch 2014	2014/kế hoạch
Sản lượng tiêu thụ thép (tấn)	717.342	867.378	20,9 %	750.000	115,7 %
Sản lượng tiêu thụ xi măng (tấn)	103.583	141.451	36,6 %	100.000	141,5 %
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	9.651,1	10.911,4	13,1 %	10.000	109,1 %
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	26,1	19,9	-23,5 %	50	39,8 %
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	800	500	-37,5 %	1.000	50,0 %



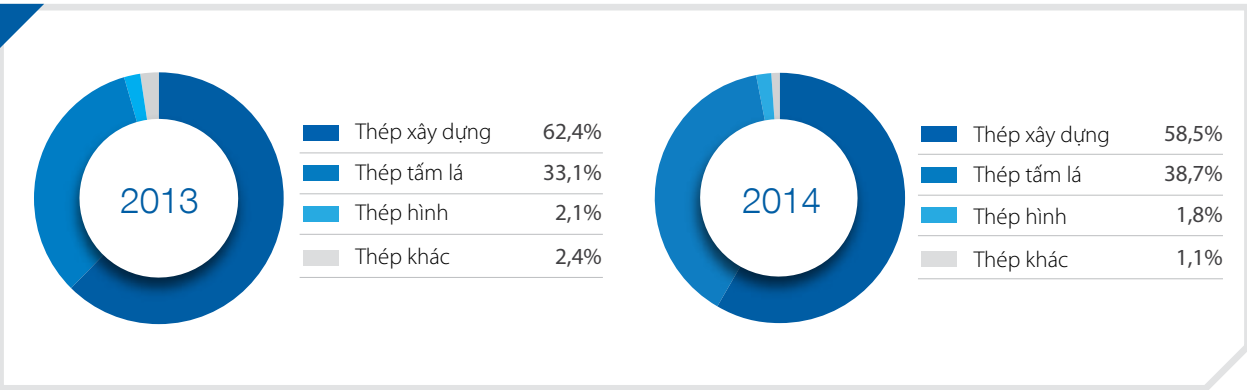


ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ VÀ DOANH THU THUẦN

	Đơn vị	2012	2013	2014
Tổng sản lượng tiêu thụ thép	Tấn	601.669	717.342	867.378
Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ thép	%	7,0	19,2	20,9
Tổng sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker	Tấn	84.414	103.583	141.451
Tăng trưởng sản lượng xi măng và clinker	%	-41,8	22,7	36,6
Tổng sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống	Tấn	686.083	820.925	1.008.829
Tăng trưởng tổng sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống	%	-3,0	19,7	22,9
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.964	9.651	10.911
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	0,3	7,7	13,1

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÉP CÁC LOẠI NĂM 2013 – 2014



Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể gần 21% trong năm 2014. Sản lượng thép tiêu thụ gia tăng được trải đều ở hầu hết các nhóm sản phẩm khác nhau, trong đó phân khúc thép dẹt đem lại kết quả ấn tượng nhất với tỷ lệ tăng trưởng 41,2% so với năm trước và chiếm 38,7% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống, tăng 5,6% so với năm trước đó. Thép xây dựng cũng nỗ lực đạt mức tăng 13,4% về lượng tiêu thụ lên 507.136 tấn, chiếm 58,5% tổng lượng thép tiêu thụ năm 2014. Bên cạnh đó, nhóm hàng xi măng và clinker cũng thể hiện năng lực tiêu thụ tốt với tốc độ tăng trưởng đạt 36,6% so với năm trước đó. Như vậy, tổng sản lượng tiêu thụ của toàn hệ thống bao gồm cả thép và xi măng năm 2014 đạt hơn 1 triệu tấn, tăng mạnh gần 23% so

với năm 2013. Kết thúc năm 2014, tăng trưởng tốt về sản lượng tiêu thụ, đặc biệt ở nhóm hàng thép dẹt, đã đảm bảo cho doanh thu thuần toàn công ty vẫn trong xu hướng đi lên với tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với những năm về trước. Doanh thu thuần năm 2014 đạt 10.911,4 tỷ đồng, tăng 13,1% so với năm trước đó.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị	2012	2013	2014
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	245,0	273,1	322,9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,6	26,1	19,9
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	%	-5,3	-62,0	-23,5
Tỷ suất lợi nhuận gộp / DTT	%	2,7	2,8	3,0
Chi phí tài chính / DTT	%	0,9	1,0	1,1
Chi phí lãi vay / DTT	%	0,8	0,7	0,7
Chi phí bán hàng / DTT	%	0,9	1,2	1,4
Chi phí quản lý doanh nghiệp / DTT	%	0,8	0,7	0,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / DTT	%	0,8	0,3	0,2
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	3,2	0,8	0,5
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,7	4,6	3,5

Với sự đóng góp đáng kể từ nhóm hàng thép dẹt, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2014 đạt 3,0% tăng 0,2% so với năm trước. Tuy nhiên, chi phí tăng cao ở hầu hết các khía cạnh cùng nhau kéo lợi nhuận sau thuế tiếp tục trong xu hướng đi xuống so với năm trước. Cụ thể, chi phí tài chính, chủ yếu là chi phí dự phòng phải thu nợ khó đòi tiếp tục tăng mạnh hơn 30 tỷ trong năm 2014. Tỷ suất chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên

doanh thu thuần cũng tăng thêm 0,2% mỗi nhóm trong năm 2014 so với năm trước đó, chủ yếu bị ảnh hưởng bởi: (1) chi phí vận tải tăng mạnh do kiểm soát khắt khe vấn đề xe vượt tải trọng và (2) chi phí cho đội ngũ và các kênh bán hàng gắn liền với sản lượng tiêu thụ tăng cao. Do đó kết thúc năm 2014, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt được 19,9 tỷ đồng, giảm 23,5% so với năm trước với mức tỷ suất lợi nhuận thuần rất thấp là 0,2%.





CƠ CẤU TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ, VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị	2012	2013	2014
Tài sản				
Tăng trưởng tổng tài sản	%	-9,9	43,3	33,7
Tăng trưởng tài sản ngắn hạn	%	-15,8	45,4	42,5
Tăng trưởng tài sản dài hạn	%	27,2	34,7	-5,4
Nợ phải trả				
Tổng nợ vay ngân hàng	Tỷ đồng	770,3	1.247,0	2.790,0
Tăng trưởng tổng nợ phải trả	%	-13,8	60,9	41,7
Tăng trưởng nợ phải trả ngắn hạn	%	-19,9	66,6	45,8
Tăng trưởng nợ phải trả dài hạn	%	231,3	5,4	-20,8
Tăng trưởng tổng nợ vay ngân hàng	%	1,2	61,9	123,7
Vốn chủ sở hữu				
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	%	2,3	-2,6	-1,1
Nợ vay / vốn chủ sở hữu	%	131,9	219,3	496,0
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	2,1	1,5	1,3
Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,2	1,1	1,0
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,0	0,6	0,7

Tổng tài sản năm 2014 tăng 33,7% so với năm 2013, chủ yếu là tăng trưởng mạnh tài sản ngắn hạn đến từ tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, trong khi tài sản dài hạn có sự giảm nhẹ. Cùng với tài sản, nợ phải trả của SMC cũng tăng đáng kể chủ yếu là các khoản nợ vay ngân hàng ngắn hạn. Kết thúc năm 2014, tổng nợ vay ngân hàng ngắn và dài hạn lên đến 2.790 tỷ, tăng mạnh 123,7% so với cuối năm trước, làm cho tỷ suất cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu tăng vọt lên gần 5 lần, hơn gấp đôi so với cơ cấu nợ và vốn các năm trước đó. Việc đưa vào vận hành các nhà máy Coil Center mới cuối năm 2012 và 2013, việc tăng cường các hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường tồn kho tích trữ hàng hóa

phân phối cho các dự án lớn, và việc đẩy mạnh tổng sản lượng tiêu thụ đòi hỏi công ty cần một nguồn vốn lưu động rất lớn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, nguồn vốn chủ sở hữu của SMC không có sự gia tăng đáng kể khi vốn điều lệ không đổi và lợi nhuận giữ lại còn ở mức thấp. Điều này lý giải vì sao hệ số nợ trên vốn của SMC càng ngày càng cao. Việc huy động vốn bằng nợ vay lớn và tăng nhanh trong năm qua mang lại rủi ro cao hơn cho Công ty về chi phí tài chính và khả năng thanh toán nợ và lãi vay. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng thanh toán của doanh nghiệp như thanh toán lãi vay, thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành trong năm 2014 vẫn đủ để đảm bảo mức độ an toàn

của Doanh nghiệp trong hoạt động tài chính tín dụng.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

	Đơn vị	2013	2014	KH 2014	+/- 14/13	% KH
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tỷ đồng	83.360	86.231	85.000	3,4 %	101,4 %
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tỷ đồng	399.081	364.096	300.000	-8,8 %	91,2 %
SLXK / Tổng SL tiêu thụ thép	%	11,6	9,9	11,3	-1,7 %	87,6 %

Hoạt động xuất nhập khẩu đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, gia công và phân phối chung của toàn hệ thống. Tổng sản lượng xuất nhập khẩu năm 2014 đạt 450.327 tấn thép các loại, giảm 6,7% so với năm trước đó theo như định hướng đã được đề ra. Trong đó chủ yếu là giảm sản lượng nhập khẩu khoảng 8,8% so với năm 2013 khi nguồn cung từ các mặt hàng như HR PO, CR,

EG và GI được chủ động hơn từ các nhà cung ứng trong nước. Hoạt động nhập khẩu bên cạnh việc đảm bảo đáp ứng đủ nguồn hàng và nguyên vật liệu cho hoạt động gia công chế biến và phân phối, còn được điều tiết và kiểm soát chặt chẽ hơn trước xu hướng biến động bất lợi của giá thép, cân đối giữa tiêu thụ - nhập khẩu - và khai thác nguồn hàng trong nước, nhằm tiết chế các ảnh hưởng tiêu cực đến

hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu tiếp tục được duy trì tốt ở thị trường chủ chốt như Campuchia và các nước lân cận, đưa tổng sản lượng xuất khẩu tăng 3,4% so với năm trước đó.

TỔNG SẢN LƯỢNG XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2014 ĐẠT 450.327 TẤN THÉP CÁC LOẠI, GIẢM 6,7% SO VỚI NĂM TRƯỚC ĐÓ THEO NHƯ ĐỊNH HƯỚNG ĐÃ ĐƯỢC ĐỀ RA. BÊN CẠNH ĐÓ, HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU TIẾP TỤC ĐƯỢC DUY TRÌ TỐT Ở THỊ TRƯỜNG CHỦ CHỐT NHƯ CAMPUCHIA VÀ CÁC NƯỚC LÂN CẬN, ĐƯA TỔNG SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU TĂNG 3,4% SO VỚI NĂM TRƯỚC ĐÓ.





GẮN KẾT VÀ SẺ CHIA

Báo cáo Phát Triển Bền Vững	42
Tổ chức và Nhân sự	52
Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Chiến lược hoạt động năm 2015	54
Quản trị doanh nghiệp	56
Công ty con/ Công ty liên doanh liên kết	60

Chiến lược phát triển bền vững 01

Mô hình quản trị doanh nghiệp 02

Sự tham gia của các bên liên quan 03

Tăng trưởng bền vững 04

Tổ chức và nhân sự trong chiến lược phát triển bền vững 05

Tổng quan báo cáo

“TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH 26 NĂM HOẠT ĐỘNG SMC LUÔN CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG VÀ NỖ LỰC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG ĐÓ TẬP TRUNG VÀO VIỆC THỰC HIỆN THÀNH CÔNG MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG VỮNG CHẮC TRONG DÀI HẠN, KẾT HỢP VỚI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG, ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN.

Phạm vi báo cáo

- SMC thực hiện báo cáo tích hợp giữa báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, phần báo cáo phát triển bền vững thực hiện dựa trên cơ sở tài liệu tài liệu Hướng dẫn Lập Báo cáo phát triển bền vững do Ủy ban Chứng khoán nhà nước phối hợp với tổ chức IFC (International Finance Corporation) phát hành.
- Các số liệu tài chính trong phần nội dung thực hiện các mục tiêu về kinh tế được trích từ số liệu hợp nhất của Báo cáo tài chính của SMC. Các hoạt động xã hội, môi trường được tổng hợp các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2014.

Liên hệ

- Báo cáo được thực hiện bởi SMC, mọi ý kiến đóng góp, vui lòng liên hệ với:
Ms. Hoàng Thị Kiều – Thư ký Công ty
Điện thoại: +84-8-28992299 hoặc gửi về hòm thư: kieuhoang@smc.vn
Địa chỉ: Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC 396 Ung Văn Khiêm Phường 25, Quận Bình Thạnh.

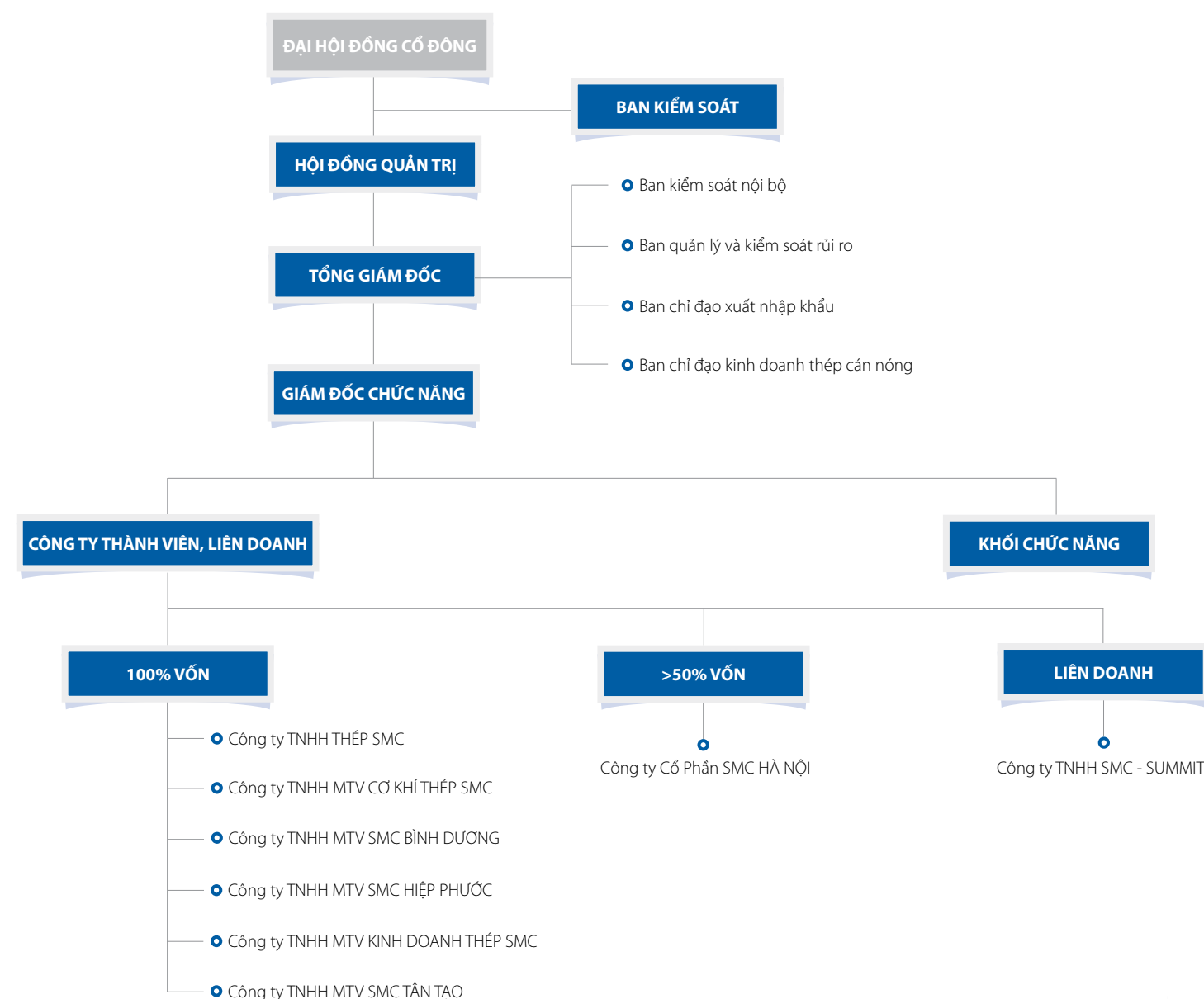
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của riêng họ”.

- Qua 26 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, SMC đã luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức. Sau 6 năm đầu tư mạnh vào chức năng sản xuất và gia công chế biến các sản phẩm thép, đến nay SMC đã có 4 nhà máy và đã thể hiện rõ nét mục tiêu, phương hướng trong hoạt động đầu tư với yêu cầu phải luôn phát triển ổn định, bền vững, có tầm nhìn hướng đến sự lâu dài đã làm thay đổi căn bản bộ mặt và bảo đảm cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai của toàn hệ thống thương hiệu SMC bên cạnh đó đảm bảo được ba khía cạnh của phát triển bền vững (Kinh tế - Xã hội – Môi trường).

- Phương thức triển khai chiến lược phát triển bền vững của SMC được thể hiện qua hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo toàn bộ hệ thống SMC hoạt động đồng nhất, gắn kết.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

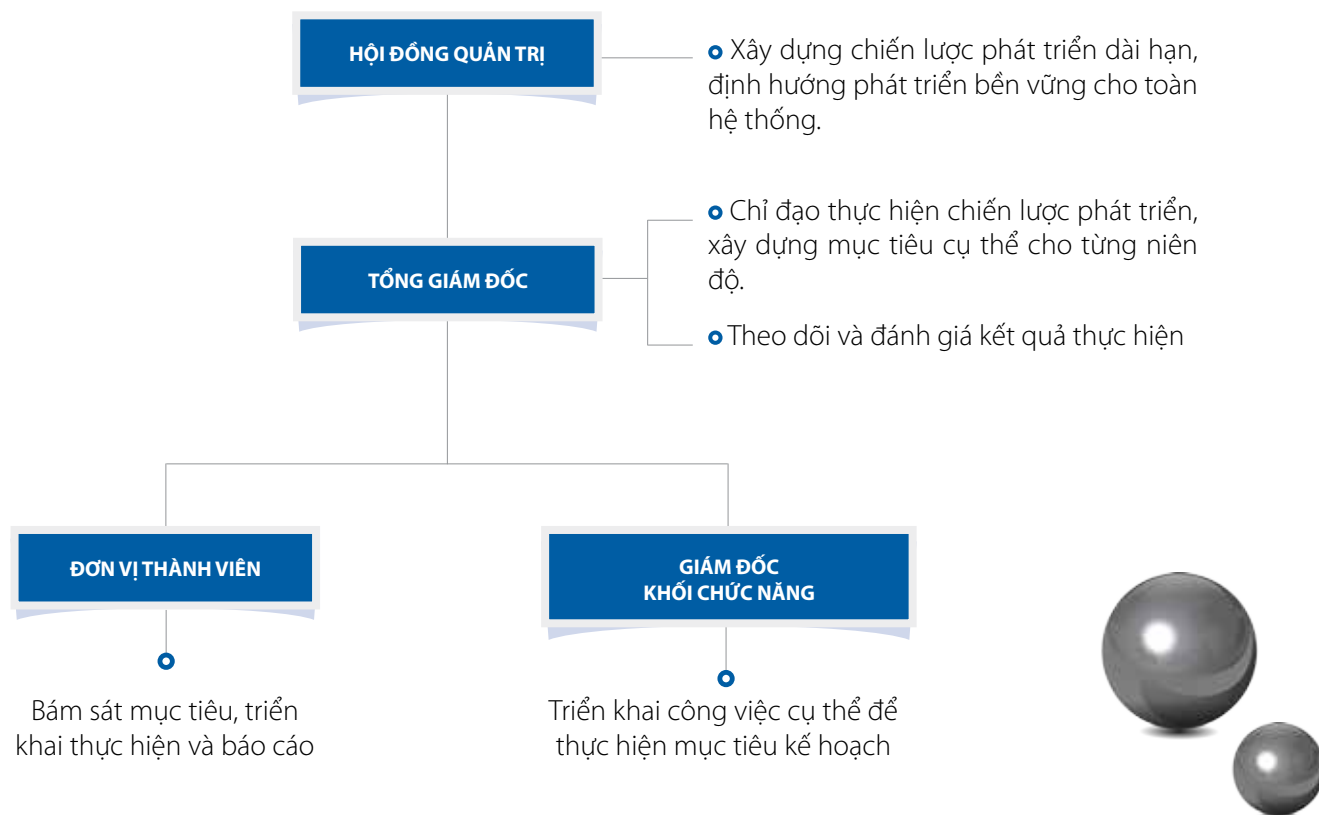


Quản trị công ty mẹ (SMC)

- Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty SMC bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.
- Chức năng, quyền hạn, mối liên hệ công việc và cơ chế báo cáo, kiểm soát được Công ty quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị hệ thống ban hành lần đầu tháng 12 năm 2011.

Quản trị giữa Công ty mẹ (SMC) và các công ty thành viên

- Quan hệ giữa Công ty Mẹ (SMC) với các công ty thành viên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty SMC và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Đến tháng 12.2014 SMC có 6 công ty thành viên với 100% vốn góp; 1 công ty thành viên với 80% vốn góp, và 1 công ty liên doanh (50% vốn góp), công ty SMC thực hiện quyền sở hữu / góp vốn theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty thành viên. Nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài sản, thực hiện đồng nhất các chính sách trong toàn hệ thống, tăng cường vai trò quản lý, giám sát của SMC đối với các công ty thành viên trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, SMC đã ban hành quy chế quản trị hệ thống lần thứ nhất vào tháng 12.2011 và sửa đổi lần thứ hai tháng 12.2012.
- Trong 8 năm thực hiện theo mô hình quản trị Công ty mẹ - Công ty con, Công ty SMC đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị, phân tách rõ trách nhiệm giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên nhằm tạo sự chủ động cho các đơn vị trong tổ chức hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn Hệ thống nhằm tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp, năng suất lao động từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính bền vững.



Tính minh bạch & trách nhiệm giải trình

Với định hướng phát triển bền vững, SMC luôn chú trọng tính minh bạch để giúp nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng có thể hiểu được cụ thể tình hình doanh nghiệp. Chính vì vậy SMC luôn quan tâm công tác công bố thông tin về tình hình hoạt động, thông tin về tài chính kế toán cũng như hàng loạt các thông tin phát sinh trong quá trình hoạt động của mình. Bên cạnh đó SMC luôn đảm bảo các thông tin được công bố rõ ràng, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan để nhà đầu tư, nhà cung cấp và khách hàng, dễ dàng truy cập và kiểm tra thông tin, đồng thời sẵn sàng giải trình theo yêu cầu đối với kết quả hoạt động:

- Mọi hoạt động của SMC luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Thiết lập và công bố các mục tiêu chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, cũng như công bố kết quả và đánh giá tiến độ thực hiện;
- Thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán, kiểm toán do các cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- Xây dựng, triển khai và duy trì văn hóa doanh nghiệp, trong đó chú trọng đến các vấn đề thuộc về đạo đức trong mọi hoạt động.

- Báo cáo kết quả hoạt động đúng thời hạn, công khai trên nhiều phương tiện thông tin và đúng theo quy định của pháp luật, bên cạnh đó giải thích/ thuyết minh những nội dung chưa rõ hay tạo

ra sự khó hiểu cho người sử dụng thông tin.

Ban kiểm soát nội bộ

- Kiểm soát quá trình xử lý thông tin: kiểm tra tính xác thực, đầy đủ và của thông tin, kiểm soát chặt chẽ hệ thống chứng từ, sổ sách.
- Bảo vệ tài sản (kiểm soát vật chất): Định kỳ thực hiện việc so sánh, đối chiếu giữa sổ sách kế toán và tài sản hiện có trên thực tế.
- Phân tích rà soát: xem xét lại những việc đã được thực hiện bằng cách so sánh số thực tế với số kế hoạch, dự toán, kỳ trước để phát hiện những vấn đề bất thường (nếu có), để có thể thay đổi / điều chỉnh kịp thời chiến lược kế hoạch.

Ban quản lý và kiểm soát rủi ro

- Đánh giá và phân tích những nhân tố ảnh hưởng tạo nên rủi ro cho hoạt động của Doanh nghiệp, trong đó SMC sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: phương tiện dự báo, phân tích dữ liệu, rà soát hoạt động thường xuyên để ước lượng tầm cỡ của rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động, xem xét khả năng xảy ra rủi ro và những biện pháp có thể sử dụng đối phó với rủi ro.

Xây dựng và quảng bá thương hiệu

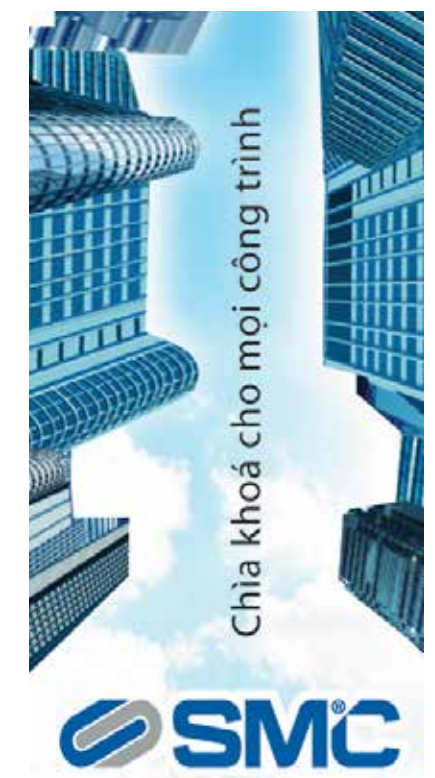
Duy trì công tác quảng bá thông tin qua 03 kênh chính:

- Thông tin trong nội bộ SMC: Đó là việc phổ biến những thông tin về sản phẩm, dịch vụ, định hướng phát triển đến toàn thể cán bộ

nhân viên. Bởi hơn ai hết, CBNV là những người trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng – đây là kênh truyền tải thông điệp hiệu quả từ Doanh nghiệp đến với khách hàng

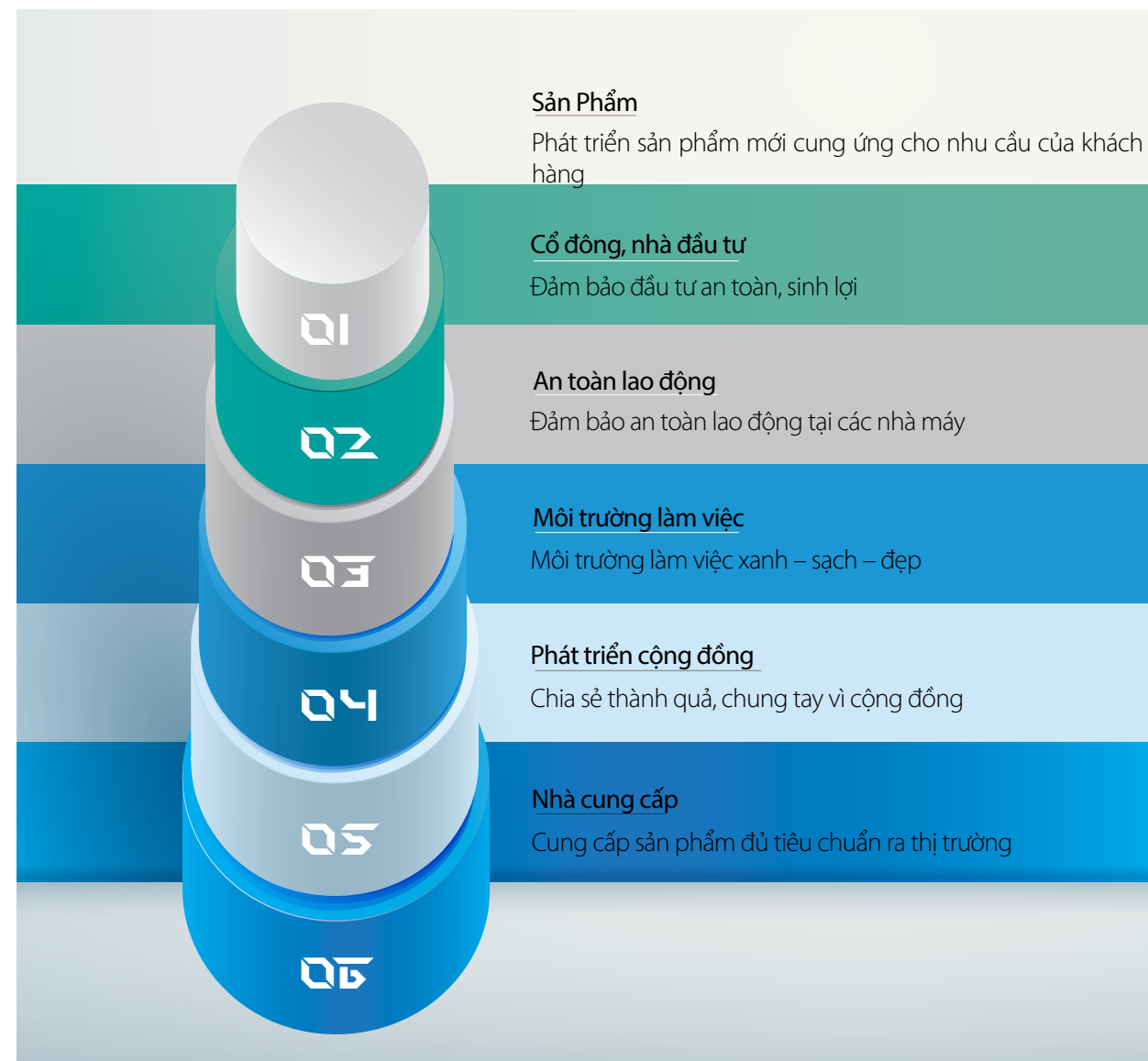
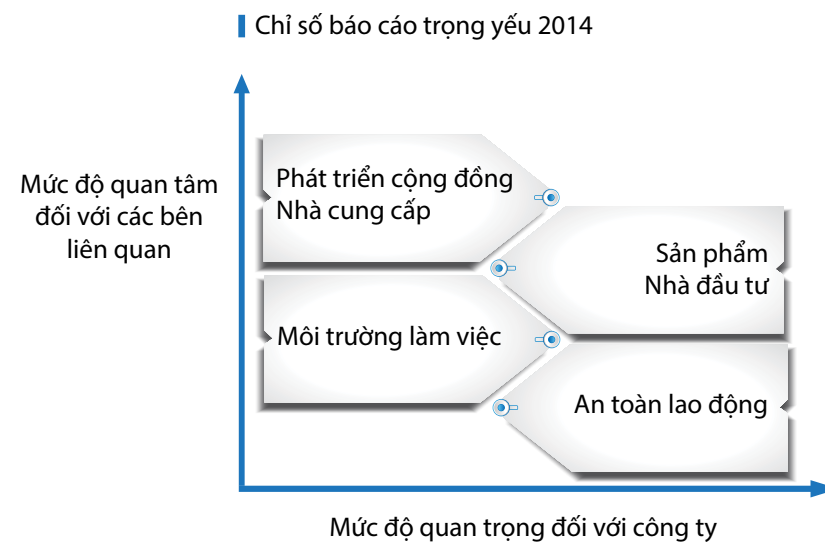
- Thông tin cho báo giới, cơ quan truyền thông: SMC duy trì các hoạt động quảng bá thông tin về hoạt động, về sản phẩm dịch vụ ... thông qua các kênh truyền hình (VTV, HTV...), báo chí, tạp chí (Thời báo kinh tế Sài Gòn, Đầu tư tài chính, Đầu tư; Tạp chí Connection...), các trang báo mạng (diendandoanhnghiep, diendanhoctacdautu ...)

- Cung cấp thông tin cho đối tác, khách hàng, cổ đông: Thông qua các ấn phẩm Báo cáo thường niên, hồ sơ năng lực, catalogue sản phẩm... Bên cạnh đó chú trọng cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục lên website của Công ty.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

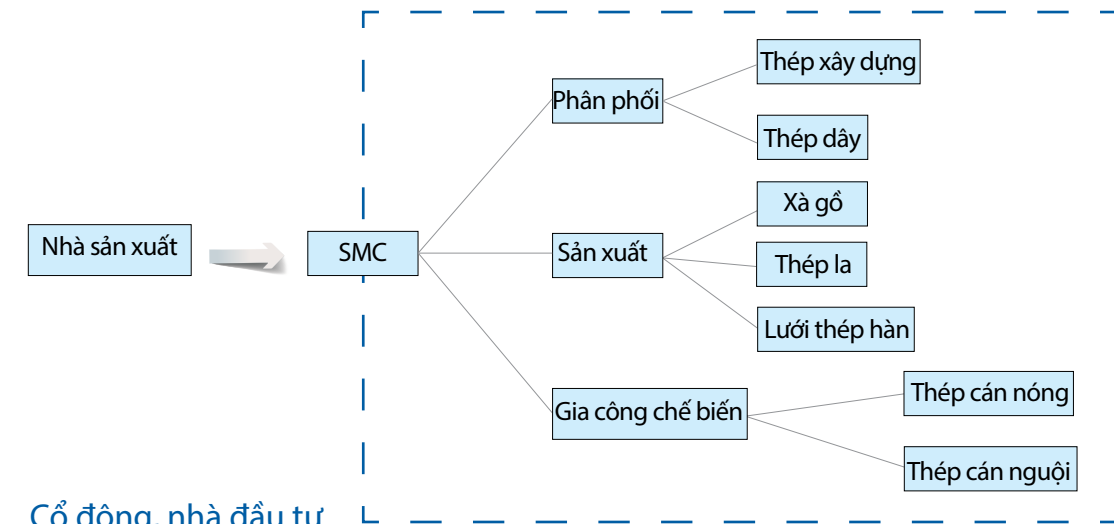
Phần báo cáo bền vững được xác định dựa trên hoạt động của Công ty và các bên liên quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Trên cơ sở tham vấn ý kiến của nhà đầu tư, cổ đông, nhân viên, các nhà cung cấp và khách hàng, SMC xác định các lĩnh vực trọng yếu trọng phần báo cáo này như sau:



Sản phẩm

Với định hướng phát triển ổn định bền vững, từ một doanh nghiệp kinh doanh thương mại sắt thép (chủ yếu là thép xây dựng) đơn thuần, năm 2006 SMC bắt đầu tham gia vào lĩnh vực gia công chế biến thép (coil center), đến nay SMC đã trở thành doanh nghiệp sở hữu hệ thống coil center lớn nhất, hiện đại nhất tại Việt Nam. Bên cạnh việc mở rộng lĩnh vực gia công chế biến thép, SMC thực hiện khảo sát thị trường thế giới và trong nước để đưa vào những sản phẩm mới.

Hệ thống sản phẩm SMC cung cấp:



Cổ đông, nhà đầu tư

SMC luôn thực hiện công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư một cách đầy đủ, rõ ràng, và minh bạch, chủ động công bố thông tin về hoạt động và kết quả kinh doanh theo từng tháng, quý, năm. Các sự kiện và hoạt động khác của SMC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên website của công ty, của sở giao dịch chứng khoán TP HCM, và các kênh truyền thông về kinh tế tài chính.

Năm 2014 với mục tiêu gắn kết hơn nữa với cổ đông, cho cổ đông hiểu và nắm rõ về hoạt động của mình, Ban lãnh đạo Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 tại Nhà máy ở KCN Phú Mỹ - BRVT, tổ chức xe đưa đón cổ đông tham dự đồng thời tổ chức hướng dẫn cổ đông tham quan 02 nhà máy tại đây.

Trong năm 2014 Ban lãnh đạo Công ty cũng liên tục trao đổi và phản hồi thông tin với những cổ đông thực sự quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp bằng hình thức văn bản, email và điện thoại. Qua đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng rất cảm ơn những ý kiến đóng góp của quý cổ đông trong việc điều hành hoạt động của Doanh nghiệp.



Môi trường làm việc

• Môi trường sống đang là sự quan tâm mang tính toàn cầu. Ô nhiễm môi trường và những tác hại của nó đối với cuộc sống ngày càng nặng nề hơn, khí hậu ngày càng khắc nghiệt và khó dự báo hơn, mưa bão lũ quét thất thường, suy thoái đất, nước, suy giảm nguồn tài nguyên rừng, ô nhiễm môi trường xảy ra trên diện rộng... Khí hậu Trái Đất đang nóng dần lên một cách bất thường và ngày càng khắc nghiệt hơn là nguyên nhân dẫn tới những thiên tai như giông bão, sóng thần, lở núi, lũ quét, lũ bùn, hạn hán... ngày càng dồn dập xảy ra trên khắp thế giới, để lại những tác hại ghê gớm khôn lường về của cải và tính mạng.

• Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng đến môi trường. Nếu chúng ta đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường thì chắc chắn không có bất kỳ hoạt động kinh tế nào xảy ra.

• Các nhà máy của SMC được xây dựng tại KCN Tân Tạo, KCN Phú Mỹ, KCN Đồng An, KCN Quang Minh đều xa khu dân cư, hạ tầng được đầu tư đồng bộ theo yêu cầu và tiêu chuẩn của KCN. Đối với hoạt động gia công chế biến của các nhà máy việc tiêu thụ điện năng, nước thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn đều ở mức thấp. Bên cạnh đó SMC luôn thực hiện các biện pháp hạn chế tối đa tác động đến môi trường

• Tiêu thụ điện năng : trang bị hệ thống tôn sáng, bố trí ca làm việc hợp lý để giảm tiêu thụ điện

• Nước thải, khí thải: hoạt động gia công chế biến thép không phát sinh nước thải, khí thải công nghiệp

• Nhiệt: Phát sinh từ hệ thống máy, SMC trang bị hệ thống tản nhiệt để hạn chế tối đa ảnh hưởng

• Tiếng ồn: phát sinh từ hệ thống máy, SMC trang bị bảo hộ lao động và thực hiện thường xuyên chế độ bảo trì máy móc để giảm thiểu tác động

• Phế phẩm, phế liệu: tái sử dụng cho ngành thép (nấu phôi thép).



An toàn lao động

Đến năm 2014 SMC có 04 nhà máy gia công chế biến thép với 205 cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, thép là ngành công nghiệp nặng vì vậy đòi hỏi tính an toàn phải luôn được đề cao. SMC đã thực thi các hoạt động để đảm bảo an toàn lao động:

• Đầu tư hệ thống máy móc mới, đồng bộ, hiện đại, an toàn được sản xuất tại Đài Loan, dù chi phí cao nhưng đảm bảo được an toàn lao động.

• Xây dựng hệ thống lắp đặt máy logic, khoa học, đảm bảo an toàn trong vận hành.

• Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, yêu cầu CBCNV nghiêm ngặt thực hiện các quy định về ATLĐ

• Xây dựng, triển khai và kiểm tra 5S

• Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc, hệ thống điện, cầu trục.

• Tổ chức tập huấn an toàn viên trong các nhà máy để xác định những nguy cơ tai nạn dễ xảy ra, triển khai nhắc nhở, lưu ý cán bộ nhân viên khi tham gia vào sản xuất.



Phát triển cộng đồng

SMC luôn gắn hoạt động của mình với hoạt động xã hội từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi SMC có văn phòng, nhà máy.

• Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt

• Quỹ vì người nghèo quận Bình Thạnh

• Chương trình xây dựng nông thôn mới tại Huyện Cần Giờ

• Quỹ xã hội từ thiện Công đoàn Công thương Việt Nam

• Quỹ khuyến học UBND Phường 25, Bình Thạnh, quỹ Vì người nghèo của Mặt trận Tổ quốc



Nhà cung cấp

Trong hoạt động của SMC, nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng, vì SMC không sản xuất thép, mà sử dụng sản phẩm thép của các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài để cung cấp cho thị trường và gia công chế biến, sản xuất các sản phẩm từ thép để cung cấp cho nhu cầu của khách hàng.

Việc lựa chọn nhà cung cấp mang tính quyết định đối với hoạt động của SMC, trên cơ sở đánh giá chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp và các yêu cầu liên quan vấn đề môi trường và xã hội.

Các tiêu chí đánh giá nhà cung cấp:



Tăng trưởng bền vững

• SMC tập trung đi sâu vào phát triển thị phần, nâng cao năng suất, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh hoạt động phát triển theo chiều sâu trong lĩnh vực gia công chế biến nhằm chuyển dịch cơ cấu sản

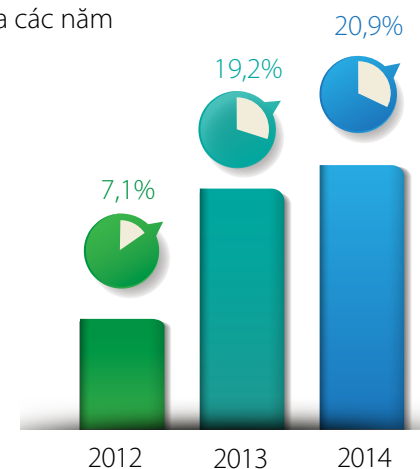
phẩm để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững.

• Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi, đó là hoạt động sản xuất kinh doanh thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trên thương trường với những thành quả đáng ghi nhận: Doanh nghiệp thương mại có sản

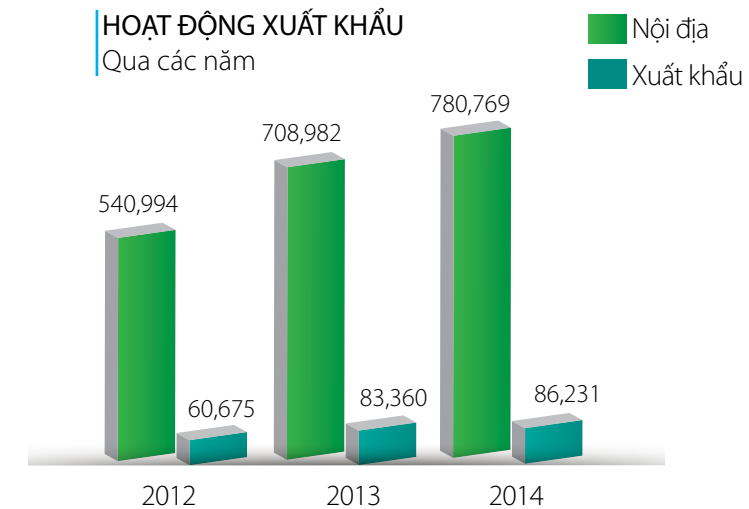
lượng tiêu thụ thép xây dựng lớn nhất Việt Nam, Doanh nghiệp có hệ thống Coil Center lớn nhất Việt Nam.

• Với chuỗi khó khăn liên tục và kéo dài qua nhiều năm, SMC vẫn tiếp tục đứng vững và ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên thương trường.

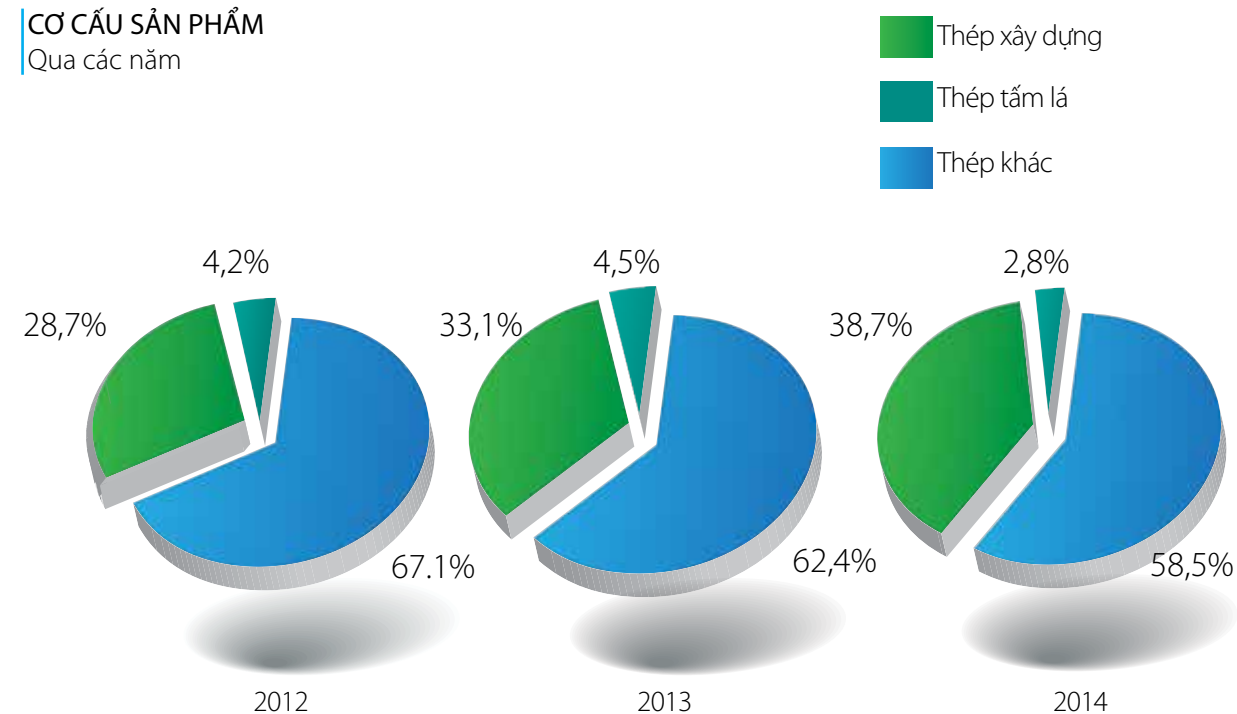
TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG
Qua các năm



HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU
Qua các năm

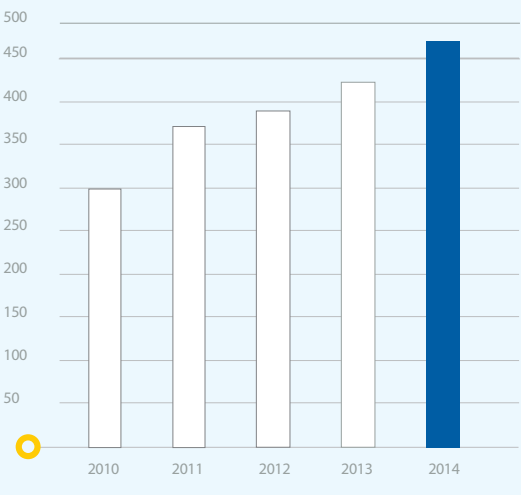


CƠ CẤU SẢN PHẨM
Qua các năm

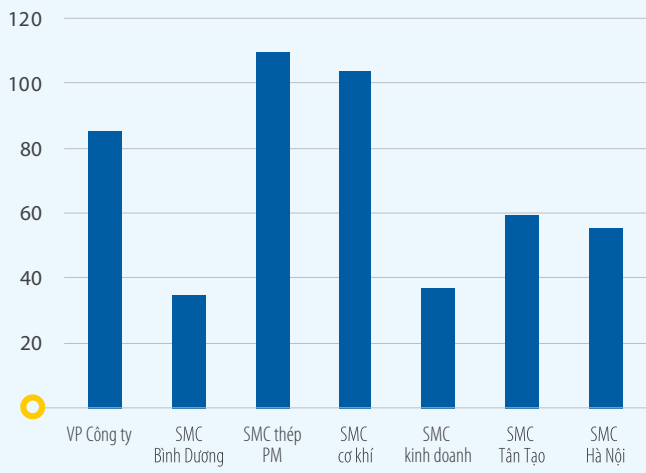




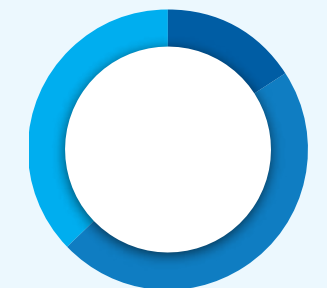
Tổng số lao động qua từng năm



Lao động phân bổ theo quy mô từng đơn vị thành viên

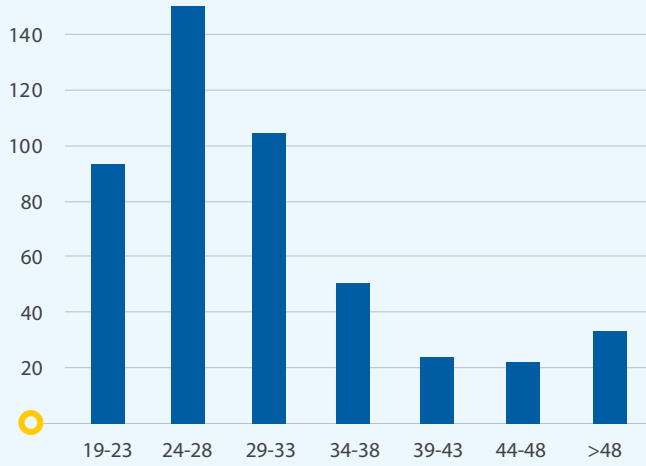


Cơ cấu phân theo loại lao động năm 2014

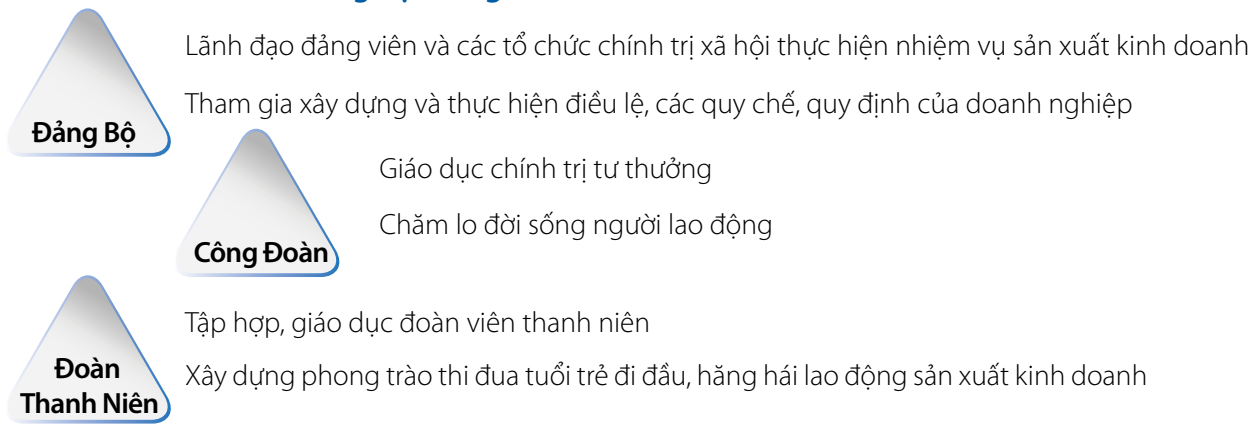


Cấp quản lý	16%
Lao động trực tiếp	47%
Lao động gián tiếp	37%

Cơ cấu phân theo độ tuổi lao động năm 2014



Các Tổ Chức Đoàn Thể Trong Hệ Thống SMC



Chiến lược sử dụng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

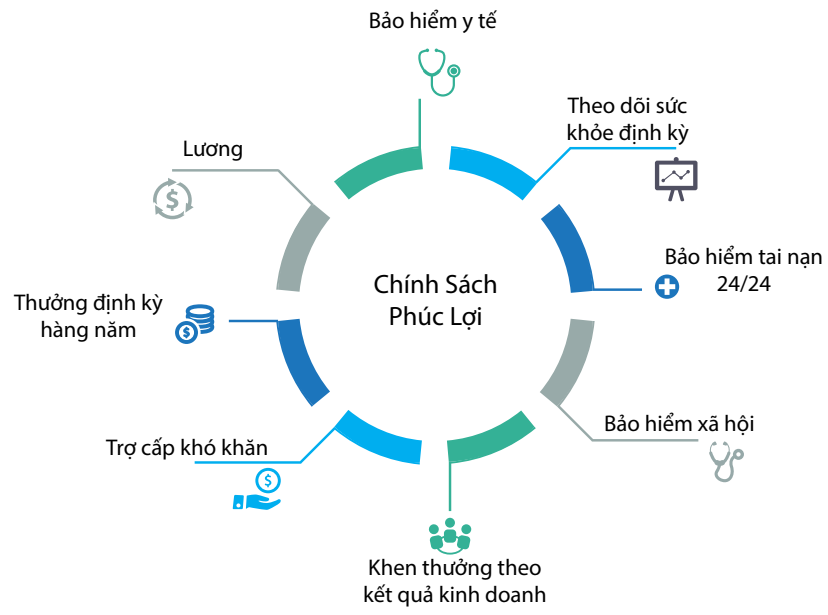


Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của SMC tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự giỏi trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện. SMC thực hiện quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả các cán bộ trong quá trình làm việc, và tạo điều kiện để họ phát huy năng lực tối đa.

Nhằm phát huy vai trò và trách nhiệm của người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp, SMC đã đề ra nhiều biện pháp để phát huy tính dân chủ của họ. Thông qua việc trao đổi trực tiếp và công khai tại các chương trình hội nghị, người lao động có quyền tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng các chính sách của doanh nghiệp.

Để có cơ sở trả lương cho người lao động một cách chính xác công bằng, đồng thời khuyến khích các cán bộ có đóng góp tích cực cho doanh nghiệp, SMC đã xây dựng và thực hiện Hệ thống Quản lý hiệu quả làm việc (KPIs) đối với người lao động.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc là thước đo giúp cá nhân và người quản lý trực tiếp xác định mức độ phù hợp của mục tiêu; các điều kiện và nguồn lực hỗ trợ cần thiết giúp cá nhân đạt mục tiêu và là căn cứ ra các quyết định trong hoạt động quản trị nhân sự và chính sách phúc lợi.





Năm 2015, tiếp tục đi theo con đường cốt lõi đã chọn từ nhiều năm qua, đó là kinh doanh và chế biến các loại sắt thép, hướng tới mục tiêu tiêu thụ 1 triệu tấn thép/năm, tuy nhiên năm 2015 sẽ không tập trung về số lượng, toàn hệ thống tập trung vào phương châm “chất lượng & hiệu quả”, dựa trên nền tảng của sự ổn định, đảm bảo sự vững chắc và tồn tại lâu dài.

Kết quả đã thực hiện được theo định hướng phát triển đến năm 2015

	Mục tiêu 2011-2015	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	800.000	562.000	601.000	717.000	867.378	850.000
Tỷ lệ thép dẹt / tổng tiêu thụ (%)	40%	23%	30,1%	33,1%	38,7%	40%
Doanh thu (tỷ đồng)	10.000	8.940	8.964	9.650	10.911	10.500
Tỷ lệ xuất khẩu / tổng tiêu thụ (%)	10%	0%	10,2%	11,6%	9,9%	10,5%

• Nâng dần tỷ lệ thép dẹt trong tổng cơ cấu tiêu thụ, năm 2015, thép dẹt vượt mức 40% (hơn 340.000 tấn) đảm bảo sử dụng tốt công suất máy móc thiết bị, từng bước mở rộng và nâng cao giá trị các sản phẩm thép sau gia công chế biến.

Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2015

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2015
Tổng tiêu thụ thép	Tấn	850,000
Thép xuất khẩu	Tấn	90,000
Tổng tiêu thụ xi măng	Tấn	140,000
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	10,500
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50



• Về thép xây dựng sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2015 do các dự án mới gia tăng nhiều, chênh lệch lợi nhuận rất thấp, không đủ trang trải các khoản chi phí thường xuyên, do đó, không đặt vấn đề tăng trưởng tiêu thụ, đối tượng tiêu thụ chủ yếu là các dự án FDI và các dự án có nguồn vốn an toàn; tập trung tìm hiểu và quan hệ với các nhà sản xuất có sự quan tâm chặt chẽ, phù hợp và thỏa đáng trong chính sách bán hàng để gia tăng sức cạnh tranh và tạo hiệu quả.

• Về xuất nhập khẩu, ưu tiên công tác nhập khẩu đảm bảo tính thường xuyên, kịp thời và có giá cả hợp lý, đảm bảo phục vụ nhu cầu gia công chế biến và kinh doanh cho toàn hệ thống, hạn chế tồn kho vượt định mức cũng như thiếu hụt hàng hóa. Về xuất khẩu, giữ vững thị trường cũ và từng bước mở rộng thị trường mới, khách hàng mới, tập trung xuất khẩu các mặt hàng mà SMC có lợi thế và hiệu quả cao.



• Về đầu tư phát triển: tập trung chủ yếu cho việc đầu tư nhà máy ống thép hàn, năm 2015, phấn đấu đạt sản lượng tiêu thụ hơn 20.000 tấn, đây là nhà máy liên doanh với Hanwa Corp (Nhật Bản), với vốn góp chủ yếu đến từ SMC. Phấn đấu từ 2 đến 3 năm nữa, SMC lọt vào nhóm Doanh nghiệp có sản lượng ống thép lớn tại Việt Nam, đủ sức cạnh tranh với các Doanh nghiệp khác trên thương trường.

• Đối với nhà máy Lưới thép hàn SMC TOAMI, sau khi chuyển giao cho TOAMI điều hành, SMC tham gia tích cực trong việc hỗ trợ phát triển, đảm bảo hoạt động tốt hơn và phát triển hơn trước khi liên doanh.



• Công tác tài chính kế toán: đảm bảo tốt việc khai thác các nguồn vốn tín dụng và quản lý chặt chẽ các nguồn vốn dùng vào sản xuất kinh doanh với chi phí sử dụng vốn tốt nhất. Việc sử dụng vốn phải thể hiện rõ trách nhiệm an toàn và hiệu quả, giảm dần và tiến tới xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu, nợ đọng.

• Luôn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, có tâm huyết và mong muốn gắn bó vươn lên; đoàn kết thống nhất trong nội bộ, sẵn sàng chia sẻ khó khăn và cùng nhau vượt qua mọi thách thức, trở ngại.

• Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc các Bộ phận, các Công ty thành viên luôn bám sát mục tiêu phương hướng để tìm tòi các giải pháp mới, linh hoạt và phù hợp, đề ra các biện pháp, phương hướng thích hợp và chính xác theo tình hình thị trường, giúp Doanh nghiệp luôn ổn định và có đủ tiềm lực để cạnh tranh, tồn tại. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong toàn hệ thống, đảm bảo phát huy sức mạnh tổng hợp; nâng cao vị thế của SMC trên thương trường.



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

TÓM TẮT NỘI DUNG SỔ CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG, NGÀY 18/03/2015)

Đơn vị tính: 1000 đồng						
DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng vốn chủ sở hữu	263.069.110	87,95	32.114.500	10,88	295.183.610	100,00
Cổ đông sáng lập (*)	86.208.910	29,21		0,00	86.208.910	29,21
Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0,00	14.760.100	5,00	14.760.100	5,00
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	124.897.790	42,31	11.305.580	3,83	136.203.370	46,14
Cổ đông sở hữu dưới 1%	51.895.230	17,58	6.048.820	2,05	57.944.050	19,63
Cổ phiếu quỹ	67.180	0,02	0	0,00	67.180	0,02

(*) Cổ đông sáng lập bao gồm 02 cổ đông sở hữu trên 5%, 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%, và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

Đơn vị tính: Cổ phiếu				
ĐỐI TƯỢNG	PHỔ THÔNG	Hạn chế chuyển nhượng	TỔNG CỘNG	%
I. Cổ đông đặt biệt	8.712.148	0	8.712.148	29,51
1.Hội đồng quản trị	8.143.439		8.143.439	27,59
Trong đó: - Nước ngoài				0,00
- Trong nước	8.143.439		8.143.439	27,59
2.Ban giám đốc	106.788		106.788	0,36
3.Ban kiểm soát	449.921		449.921	1,52
4.Kế toán trưởng	0		0	0,00
5.Giám đốc tài chính	12.000		12.000	0,04
II. Cổ phiếu quỹ	6.718	0	6.718	0,02
III. Cổ đông khác	20.799.495	0	20.799.495	70,46
1.Trong nước	17.588.045	0	17.588.045	59,58
- Cá nhân	14.631.418		14.631.418	49,57
- Tổ chức	2.956.627		2.956.627	10,02
Trong đó: Nhà nước	0		0	
2.Nước ngoài	3.211.450	0	3.211.450	10,88
- Cá nhân	224.840		224.840	0,76
- Tổ chức	2.986.610		2.986.610	10,12
TỔNG CỘNG	29.518.361	0	29.518.361	100,00



Đơn vị tính: Cổ phiếu						
TT	DANH MỤC	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU		29.518.361	100,00	1.993	67	1.926
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5%)	9.511.382	32,22	3	1	2
2	Cổ đông khác	20.000.261	67,76	1.989	65	1.924
3	Cổ phiếu quỹ	6.718	0,02	1	1	0
4	Trong đó					
	- Vốn Nhà nước	0	0,00			
	- Vốn nước ngoài	3.211.450	10,88	137	12	125

Đơn vị tính: Cổ phiếu				
TT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	Số cổ phần	%
CÁ NHÂN				
1	NGUYỄN NGỌC ANH	492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, QBT, HCMC	5.356.273	18,15
2	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	5B Phan bội Châu, QBT, HCMC	2.679.099	9,08
TỔ CHỨC				
1	HANWA CO., LTD	4-3-9 Fushimi-machi, Chuo-ku, Osaka, Japan	1.476.010	5,00
TỔNG CỘNG			9.511.382	32,22

Đơn vị tính: Cổ phiếu						
LOẠI CỔ ĐÔNG	TT	HỌ VÀ TÊN	PHỔ THÔNG	Hạn chế chuyển nhượng	TỔNG CỘNG	%
Trong nước	HĐQT	1 NGUYỄN NGỌC ANH	5.356.273	0	5.356.273	18,15
		2 NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	2.679.099	0	2.679.099	9,08
		3 MA ĐỨC TÚ (*)	82.400	0	82.400	0,27
		4 VŨ THỊ THANH HỒNG (*)	660.000	0	660.000	2,23
		5 VŨ HOÀNG VŨ	105.667	0	105.667	0,36
	BGĐ	6 NGUYỄN VĂN TIẾN	570.499	0	570.499	1,93
		7 NGUYỄN BÌNH TRỌNG	106.788	0	106.788	0,36
	BKS	8 HỒ THỊ NGỌC TUYẾT	6.480	0	6.480	0,02
		9 TRẦN THUY BÍCH HÂN	2.287	0	2.287	0,01
		10 NGUYỄN HỮU KINH LUÂN	441.154	0	441.154	1,49
	KTT	11 ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG	0		0	0,00
	GĐTC	12 TRƯƠNG TUẤN DŨNG HÙNG	12.000	0	12.000	0,04
Nước ngoài	1	TAIRA YOSHIYUKI (*)	1.476.010	0	1.476.010	5,00
TỔNG CỘNG			11.498.657	0	11.498.657	38,94

Ghi chú: (*) Năm giữ và đại diện năm giữ

DSCĐ CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG : KHÔNG

DSCĐ CHIẾN LƯỢC BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG : KHÔNG

DSCĐ CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG : KHÔNG

DSCĐ CHIẾN LƯỢC BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG : KHÔNG



THÙ LAO, CHI PHÍ CỦA HĐQT VÀ BKS

Tổng quỹ thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua là 1,5% lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp. Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
Hội đồng Quản trị		
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch	40.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó chủ tịch	30.000.000
Võ Hoàng Vũ	Thành viên	30.000.000
Ma Đức Tú	Thành viên	30.000.000
Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên	30.000.000
Taira Yoshiyuki	Thành viên	30.000.000
Ban Kiểm Soát		
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng ban	25.000.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	20.000.000
Trần Thụy Bích Hân	Thành viên	20.000.000

Tổng chi phí và thù lao năm 2014 cho HĐQT và BKS là 255.000.000 đồng, phần thù lao còn lại là 45.000.000 đồng được HĐQT chia cho các thành viên giúp việc cho HĐQT.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ CỔ PHIẾU SMC

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 cũng trải qua nhiều biến cố lớn với các phiên giao dịch thăng trầm theo các sự kiện quan trọng về biến động, về việc bắt giữ lãnh đạo của các tổ chức tín dụng, và về biến động giá dầu khí. Tuy vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì được xu hướng tăng so với năm 2013 với mức tăng 8,1% của VN-Index và 22,3% của HNX-Index. Bên cạnh đó, hoạt động IPO của các doanh nghiệp nhà nước lớn cũng diễn ra vô cùng tích cực cùng với sự sôi nổi của dòng vốn đầu tư nước ngoài đã hỗ trợ không nhỏ cho sự tích cực của thị trường năm qua. Tuy nhiên, các vấn đề quan trọng được trông chờ trong năm 2014 như nới room cho khối ngoại và ký kết hiệp định TPP hứa hẹn sẽ có nhiều tác động tích cực mạnh mẽ lên thị trường chứng khoán lại chưa đem đến kết quả như mong đợi. Đi ngược lại với xu hướng chung của thị trường, giá cổ phiếu SMC có một năm giao dịch khá trầm lắng với thanh khoản thấp và chốt giá cuối năm 2014 ở mức 10.700 đồng/cổ phiếu, giảm 8% so với mức giá đầu năm.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CỔ PHIẾU SMC		
Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	295.183.610.000	Đồng
Số cổ phiếu đang niêm yết	29.518.361	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2014)	315.846.462.700	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2014	674	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2014	19.055	Đồng
P/E 2014 (theo giá cp ngày 31/12/2014)	15,9	Lần
P/B 2014 (theo giá cp ngày 31/12/2014)	0,6	Lần

HOẠT ĐỘNG CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 đã được thông qua, SMC sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho nhà đầu tư với tỷ lệ 10%, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu cho năm 2014, được chia ra làm hai đợt chi trả. Tỷ lệ chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 với mức 5% bằng tiền mặt trên mệnh giá, tương ứng với 500 đồng/cổ phiếu đã được thực hiện vào ngày 19/11/2014. Tổng số tiền thực thanh toán trả cổ tức cho cổ đông đợt 1 là 14.759.180.500 đồng, tương đương 74,2% tổng lợi nhuận sau thuế đạt được năm 2014.





Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do Công ty nắm giữ:

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	60 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center - Sản xuất, gia công xả bằng, cắt tấm các loại thép tấm lá
Sản phẩm	Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tây gỉ, thép lá mạ điện, thép lạng mạ kẽm, thép lạng mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.335,7	1.516,1	13,5
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	44,6	63,5	42,4
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,6	30,2	81,9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,3	25,5	91,7
Tổng tài sản	Tỷ đồng	457,3	485,8	6,2
Nợ phải trả	Tỷ đồng	384,5	413,4	7,5
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	72,7	72,4	-0,4
LNST / Doanh thu thuần	%	1,0	1,7	0,7
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,9	5,2	2,3
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,3	35,2	16,9

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	100 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center - Sản xuất, gia công, xử lý thép cuộn cán nóng
Sản phẩm	Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.076,7	2.157,7	3,9
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	61,2	27,3	-55,4
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,0	-20,2	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,6	-17,6	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	885,7	908,1	2,5
Nợ phải trả	Tỷ đồng	785,6	825,8	5,1
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	100,1	82,3	-17,7
LNST / Doanh thu thuần	%	0,4	-0,8	-1,2
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,9	-1,9	-2,8
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,6	-21,4	-29,0





CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính	Đường số 5, KCN Đồng An, P. Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Kinh doanh vật liệu xây dựng, phân phối thép cho thị trường Đông Nam Bộ
Sản phẩm	Bê tông cốt thép, sắt thép các loại, thép hình, thép dây, thép gân, thép tấm lá...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.475,3	1.303,8	-11,6
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	23,1	24,4	5,6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	1,5	1.400,0
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,1	1,2	1.100,0
Tổng tài sản	Tỷ đồng	276,7	231,6	-16,3
Nợ phải trả	Tỷ đồng	246,6	200,5	-18,7
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	30,1	31,2	3,7
LNST / Doanh thu thuần	%	0,0	0,1	0,1
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,0	0,5	0,5
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,3	3,8	3,5



CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH SMC

Trụ sở chính	124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Vốn điều lệ	20 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Kinh doanh vật liệu xây dựng, cung cấp thép cho thị trường khu vực Nam bộ bao gồm các tỉnh miền Tây và các khu vực lân cận TP. HCM
Sản phẩm	Thép xây dựng các loại, xi măng, clinker...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.113,1	1.235,7	11,0
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	27,2	44,3	62,9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,5	8,5	13,3
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,4	6,6	22,2
Tổng tài sản	Tỷ đồng	211,0	299,3	41,8
Nợ phải trả	Tỷ đồng	187,1	272,7	45,8
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	26,6	66,7	150,8
LNST / Doanh thu thuần	%	0,5	0,8	0,3
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,2	3,1	0,9
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,6	24,8	2,2





CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính	Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM
Vốn điều lệ	80 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm các loại, kho bãi lưu trữ hàng hóa
Sản phẩm	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	47,4	1.235,9	2.507,4
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,4	22,2	5.450,0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	2,9	2.800,0
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,1	2,2	2.100,0
Tổng tài sản	Tỷ đồng	202,2	334,4	65,4
Nợ phải trả	Tỷ đồng	122,1	252,2	106,6
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	80,1	82,2	2,6
LNST / Doanh thu thuần	%	0,2	0,2	0,0
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,0	0,7	0,7
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,1	2,7	2,6

(*) SMC Tân Tạo mới đi vào hoạt động và ghi nhận kết quả tài chính từ giữa tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Trụ sở chính	Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
Vốn điều lệ	21,28 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	82,11%
Hoạt động chính	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm lá, phân phối sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc
Sản phẩm	Thép xây dựng, thép lá đen, thép lá mạ, inox...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	387,6	504,5	30,2
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	12,1	17,5	44,6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-5,0	3,2	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-5,0	3,2	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	141,9	198,1	39,6
Nợ phải trả	Tỷ đồng	120,4	173,4	44,0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	21,5	24,7	14,9
LNST / Doanh thu thuần	%	-1,3	0,6	1,9
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-3,5	1,6	5,1
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-23,3	13,0	36,3





CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Trụ sở chính	Lô C5A, Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. HCM
Vốn điều lệ	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Là cầu nối của SMC và hệ thống các cảng tại TP. HCM, là hệ thống kho lưu trữ và tập trung cho thị trường TP. HCM
Sản phẩm	Sắt thép các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-0,6	-0,6	0,0
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0,6	-0,9	6,7
Tổng tài sản	Tỷ đồng	28,8	27,9	-3,1
Nợ phải trả	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	28,8	27,9	-3,1



CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CÔNG TY LIÊN DOANH SMC – SUMMIT

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Vốn điều lệ	4.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu	50%
Hoạt động chính	Kinh doanh phân phối các sản phẩm sắt thép đặc biệt, chất lượng cao
Sản phẩm	Thép coupler, thép dập uốn theo khuôn hình...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2013	2014	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	994,6	1.360,1	36,7
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	18,1	24,7	36,5
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,5	6,1	35,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,9	5,6	43,6
Tổng tài sản	Tỷ đồng	234,4	416,6	77,7
Nợ phải trả	Tỷ đồng	147,3	324,0	120,0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	87,0	92,6	6,4
LNST / Doanh thu thuần	%	0,4	0,4	0,0
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,7	1,3	-0,4
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,5	6,0	1,5





DẪN ĐẦU TIÊN CHUẨN DỊCH VỤ

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	70
Báo cáo kiểm toán độc lập	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	75
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	78
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	81

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

- 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

1. **Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc Điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, HCM
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Công ty TNHH SMC – SUMMIT	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Các hoạt động chính

Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 74 đến trang 113.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 07 tháng 03 năm 2015

Số: 092C/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các Công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 07 tháng 3 năm 2015, từ trang 74 đến trang 113, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2015
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN TUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIẾU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		3.571.518.286.504	2.505.947.037.714
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
1. Tiền	110	V.01	458.542.581.066	302.957.529.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		170.817.581.066	135.704.729.361
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	617.395.045.167	24.689.928.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		287.725.000.000	167.252.800.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		621.013.509.789	27.585.287.362
III. Các khoản phải thu	130	V.03	1.185.409.030.335	938.878.834.238
1. Phải thu khách hàng	131		(3.618.464.622)	(2.895.359.362)
2. Trả trước cho người bán	132		1.026.115.494.425	950.532.833.707
3. Các khoản phải thu khác	135		202.145.525.506	10.165.268.670
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		11.659.334.605	2.870.965.746
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	1.159.804.472.088	1.157.610.086.636
1. Hàng tồn kho	141		1.172.726.318.439	1.167.932.610.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.921.846.351)	(10.322.524.109)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	150.367.157.848	81.810.659.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		548.648.462	1.337.310.142
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		105.572.369.833	44.284.683.689
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		34.119.477.347	23.547.166.247
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.126.662.206	12.641.499.401
B. Tài sản dài hạn	200		531.578.520.234	562.025.558.401
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		356.045.970.744	374.895.416.331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	251.496.295.679	220.817.399.610
- Nguyên giá	222		458.446.580.678	391.513.939.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.950.284.999)	(170.696.539.515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	43.416.470.748	46.220.503.242
- Nguyên giá	225		56.344.184.529	52.037.031.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.927.713.781)	(5.816.528.687)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	40.369.266.468	42.213.065.892
- Nguyên giá	228		41.438.979.341	42.718.679.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.069.712.873)	(505.613.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	20.763.937.849	65.644.447.587
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	79.682.926.088	92.885.635.683
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.713.420.739	43.937.677.683
2. Đầu tư dài hạn khác	258		82.470.767.544	82.470.767.544
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(49.501.262.195)	(33.522.809.544)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	91.709.269.078	88.982.196.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		72.489.560.247	75.330.773.755
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.836.039.308	9.718.930.108
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.383.669.523	3.932.492.903
VI. Lợi thế thương mại	269	V.12	4.140.354.324	5.262.309.621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.103.096.806.739	3.067.972.596.115

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		3.536.164.559.579	2.495.496.013.922
I. Nợ ngắn hạn	310	V.13	3.415.095.075.221	2.342.461.584.300
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.671.513.305.267	1.094.449.659.491
2. Phải trả người bán	312		709.988.034.022	1.225.845.430.891
3. Người mua trả tiền trước	313		17.935.019.465	9.608.426.957
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		3.301.140.726	1.825.761.221
5. Phải trả người lao động	315		1.197.486.313	1.092.905.593
6. Chi phí phải trả	316		9.036.184.207	1.016.743.422
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.761.655.035	1.690.424.558
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		362.250.186	6.932.232.167
II. Nợ dài hạn	330	V.14	121.069.484.358	153.034.429.622
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	210.600.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		118.453.780.022	152.645.857.774
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		18.194.085	177.971.848
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.597.510.251	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		562.514.289.594	568.623.552.508
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	562.514.289.594	568.623.552.508
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.373.000.000	5.373.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		78.999.423.263	78.999.423.263
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.652.246.243	16.652.246.243
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.916.732.728	19.025.995.642
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.16	4.417.957.565	3.853.029.685
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.103.096.806.739	3.067.972.596.115
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý			187.223.826	187.223.826
2. Ngoại tệ các loại - USD			715,256.87	1,384,939.45

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 03 năm 2015

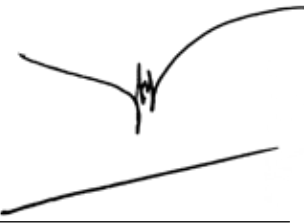
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

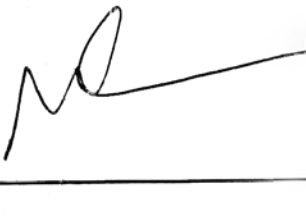
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		10.913.951.929.939	9.659.994.336.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		2.502.114.817	8.921.188.990
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	10.911.449.815.122	9.651.073.147.934
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	10.588.531.637.413	9.378.050.176.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		322.918.177.709	273.022.971.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	55.352.044.297	33.309.098.666
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	118.898.384.614	93.754.762.454
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.872.034.360	70.151.562.842
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			16.701.557.911	957.649.437
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	151.802.710.970	119.790.869.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	97.572.723.913	68.517.474.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.996.402.509	24.268.962.846
11. Thu nhập khác	31	VI.07	24.085.893.809	20.531.464.011
12. Chi phí khác	32	VI.08	11.980.646.807	13.041.100.110
13. Lợi nhuận khác	40		12.105.247.002	7.490.363.901
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		2.778.743.056	1.948.351.271
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.880.392.566	33.707.678.018
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	9.692.948.478	7.310.739.359
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(5.276.886.963)	1.299.530.399
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.464.331.052	25.097.408.260
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		564.927.880	(962.063.463)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		19.899.403.172	26.059.471.723
21. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	VI.11	674	883

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Nguyễn Thị Hồng Phúc
Người lập biểu


Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.880.392.566	33.707.678.018
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	45.139.169.673	47.463.872.536
Các khoản dự phòng	03	49.121.970.469	3.388.978.701
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	824.137.577	(484.727.896)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(42.762.733.464)	(6.725.956.222)
Chi phí lãi vay	06	73.872.034.360	70.151.562.842
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	151.074.971.181	147.501.407.979
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(348.120.452.455)	121.773.109.750
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(4.793.707.694)	(784.531.608.680)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(529.823.071.776)	435.199.471.677
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	3.629.875.188	(52.725.306.544)
Tiền lãi vay đã trả	13	(70.680.938.258)	(69.134.819.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.260.791.551)	17.450.019.103
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.374.760.390	1.978.518.853
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.274.885.678)	(14.430.007.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(803.874.240.653)	(196.919.214.558)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(34.781.000.069)	(147.928.054.907)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.023.003.957	5.891.000.001
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.167.052.079.167)	(17.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	593.600.000.000	12.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.056.351.271)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.317.000	4.102.185.833
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.590.729.107	7.607.677.495
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(558.605.029.172)	(141.183.542.849)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.857.791.946.876	7.847.712.241.440
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.308.319.747.842)	(7.364.845.902.281)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.949.954.632)	(6.604.654.186)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.609.314.400)	(32.497.030.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.517.912.930.002	443.764.654.153
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	155.433.660.177	105.661.896.746
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	302.957.529.361	196.944.258.472
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	151.391.528	351.374.143
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	458.542.581.066	302.957.529.361

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc

Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2. Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C. - Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. - Chi nhánh Đà Nẵng.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động của Tập đoàn đến ngày 31/12/2014: 480 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô số 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82.11%	82.11%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50.00%	50.00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (“Tập đoàn”) được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nằm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách.

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí triển khai dự án
- Phí hạ tầng khu công nghiệp
- Tiền thuê đất trả trước
- Chi phí chờ phân bổ khác

9. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho từ phương pháp nhập sau xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

11. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

	Năm 2013	Năm 2014
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm	04 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	02 - 08 năm	02 - 08 năm
Phần mềm	02 - 20 năm	02 - 20 năm

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

13. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị 06 - 08 năm

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

17. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

20. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

20. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

21. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

22. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (“Tập đoàn”) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án “Nhà máy Cơ khí - Thép SMC” bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án “Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép” bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2014 là năm tài chính thứ tám Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn” bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm tài chính thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

23. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.584.184.650	1.124.010.011
Tiền gửi ngân hàng (*)	168.233.396.416	134.580.719.350
Tiền gửi có kỳ hạn (01 - 03 tháng)	287.725.000.000	167.252.800.000
Cộng	458.542.581.066	302.957.529.361

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2,301,212.25 USD tương đương 49.153.463.476 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng, lãi suất từ 6% đến 7%/năm	600.552.079.167	4.000.000.000
Cho vay ngắn hạn (2.1)	12.900.000.000	16.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (2.2)	7.561.430.622	7.585.287.362
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (2.2)	(3.618.464.622)	(2.895.359.362)
Cộng	617.395.045.167	24.689.928.000

(2.1) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Thép Kim Khang (lãi suất 9%/năm)	2.400.000.000	16.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Nam Long (lãi suất 12%/năm)	10.000.000.000	-
Ông Lê Bá Công (lãi suất 6,5%/năm)	500.000.000	-
Cộng	12.900.000.000	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.2) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2014

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	170.670	3.953.038.722	(2.519.410.722)	1.433.628.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(*) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		7.561.430.622	(3.618.464.622)	3.942.966.000

(*) Trong năm 2014, Tập đoàn đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 109.376.700 đồng.

Tại ngày 31/12/2014, Tập đoàn không xác định được giá thị trường từ các nguồn đáng tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1)	1.026.115.494.425	950.532.833.707
Trả trước cho người bán		202.145.525.506	10.165.268.670
Phải thu khác	(3.2)	11.659.334.605	2.870.965.746
Cộng		1.239.920.354.536	963.569.068.123
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.3)	(54.511.324.201)	(24.690.233.885)
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		1.185.409.030.335	938.878.834.238

(3.1) Bao gồm:

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu thương mại	(*)	951.878.348.133	942.443.507.729
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)		74.237.146.292	8.089.325.978
Cộng		1.026.115.494.425	950.532.833.707

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 3,821,749.16 USD tương đương 81.641.376.270 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.2) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, cho vay	1.443.124.716	1.290.948.178
- Phải thu lãi quá hạn	164.902.087	164.902.087
- Khoản tiền cho mượn đến cá nhân	500.000.000	663.500.000
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	257.000.000	208.169.318
- Phải thu UBND TPHCM liên quan đến tiền lãi vay được hỗ trợ (*)	1.888.123.981	-
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	5.666.894.060	-
- Phải thu Công ty TNHH DV và TM Kim Tơ	1.336.037.033	-
- Các khoản phải thu khác	403.252.728	543.446.163
Cộng	11.659.334.605	2.870.965.746

(*) Khoản lãi vay được hỗ trợ thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 852/QĐ-UBND Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày 26/02/2014 liên quan đến dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí công nghiệp phụ trợ từ thép lá, thép tấm, sử dụng thiết bị thế hệ mới, công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo chương trình máy tính. Tổng vốn vay được ngân sách hỗ trợ lãi suất là 81.921.000.000 đồng trong thời gian 5 năm.

(3.3) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

	Số cuối năm
Số dư đầu năm	(24.690.233.885)
Trích lập dự phòng	(33.198.640.958)
Hoàn nhập dự phòng	3.377.550.642
Số dư cuối năm	(54.511.324.201)

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	718.102.966.433	760.128.462.935
Công cụ, dụng cụ	331.005.493	208.776.604
Thành phẩm tồn kho	237.687.277.698	139.446.125.768
Hàng hoá	216.605.068.815	268.149.245.438
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*)(12.921.846.351)	(10.322.524.109)
Cộng	1.159.804.472.088	1.157.610.086.636

(*) Biến động dự giảm giá hàng tồn kho:

	Năm 2014
Số dư đầu năm	(10.322.524.109)
Trích lập dự phòng	(11.610.512.188)
Hoàn nhập dự phòng	9.011.189.946
Số dư cuối năm	(12.921.846.351)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản ngắn hạn khác

		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (chủ yếu là công cụ, dụng cụ)		548.648.462	1.337.310.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		105.572.369.833	44.284.683.689
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	(5.1)	34.119.477.347	23.547.166.247
Tài sản ngắn hạn khác	(5.2)	10.126.662.206	12.641.499.401
Cộng		150.367.157.848	81.810.659.479

(5.1) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn (chưa có quyết định)	23.541.653.407	20.076.383.609
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.241.065.708	3.470.782.638
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	43.609.968	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu tạm nộp	7.293.148.264	-
Cộng	34.119.477.347	23.547.166.247

(5.2) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản tạm ứng	4.884.996.206	5.043.419.401
- Ký quỹ khác	28.100.000	24.600.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - VNĐ	3.633.000.000	2.935.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá (74,000.00 USD)	1.580.566.000	4.638.480.000
Cộng	10.126.662.206	12.641.499.401

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	139.235.058.656	172.650.606.183	62.604.772.142	17.023.502.144	391.513.939.125
Tăng	49.133.117.408	19.066.234.319	5.453.524.931	1.606.440.549	75.259.317.207
Giảm	2.509.314.818	154.545.455	5.662.815.381	-	8.326.675.654
Số dư cuối năm	185.858.861.246	191.562.295.047	62.395.481.692	18.629.942.693	458.446.580.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	42.965.125.936	84.790.297.128	30.595.828.311	12.345.288.140	170.696.539.515
Tăng	9.292.085.646	18.160.388.815	7.078.808.321	2.932.602.184	37.463.884.965
Giảm	-	154.545.455	1.055.594.026	-	1.210.139.481
Số dư cuối năm	52.257.211.582	102.796.140.488	36.619.042.606	15.277.890.324	206.950.284.999
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	96.269.932.720	87.860.309.055	32.008.943.831	4.678.214.004	220.817.399.610
Số dư cuối năm	133.601.649.665	88.766.154.559	25.776.439.087	3.352.052.369	251.496.295.679

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới và xây dựng cơ bản hoàn thành, giảm do thanh lý, nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 81.204.616.745 đồng.

Tại ngày 31/12/2014, tài sản cố định hữu hình đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại thuyết minh số **V.13.1** và **V.14***.

7. Tài sản cố định thuê tài chính (máy móc thiết bị)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	52.037.031.929	4.307.152.600	-	56.344.184.529
Hao mòn lũy kế	5.816.528.687	7.111.185.094	-	12.927.713.781
Giá trị còn lại	46.220.503.242			43.416.470.748

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	34.982.639.810	7.736.039.341	42.718.679.151
Tăng	-	95.040.000	95.040.000
Giảm	1.374.739.810	-	1.374.739.810
Số dư cuối năm	(*) 33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	505.613.259	505.613.259
Tăng	-	564.099.614	564.099.614
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.069.712.873	1.069.712.873
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	34.982.639.810	7.230.426.082	42.213.065.892
Số dư cuối năm	33.607.900.000	6.761.366.468	40.369.266.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định tăng trong năm do nâng cấp phần mềm; Giảm do chuyển nhượng.

Nguyên giá phần mềm cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 342.393.816 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	11.692.513.519	-
Giá trị 2 căn hộ tại Era Town	5.337.138.576	-
Chi phí xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng tại Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	-	65.344.447.587
Các công trình khác	3.734.285.754	300.000.000
Cộng	20.763.937.849	65.644.447.587

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.1)	46.713.420.739	43.937.677.683
Đầu tư dài hạn khác	(10.2)	82.470.767.544	82.470.767.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.2)	(49.501.262.195)	(33.522.809.544)
Cộng		79.682.926.088	92.885.635.683

(10.1) Bao gồm:

	Giá trị đầu tư	Phần lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty LK, LD	Cộng
Các công ty chưa niêm yết			
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	41.640.000.000	4.658.670.739	46.298.670.739
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (*)	1.750.000.000	(1.335.250.000)	414.750.000
Cộng	43.390.000.000	3.323.420.739	46.713.420.739

(*) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2014

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	1.430.000	33.599.960.344	(21.587.960.344)	10.080.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCom				
Công ty CP Thép Biên Hòa (*)	473.170	12.175.807.200	(10.567.029.200)	1.608.778.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.294.500.000)	425.500.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Đầu tư Nam Khang (*)	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	(1.051.772.651)	9.048.227.349
Cộng		82.470.767.544	(49.501.262.195)	31.037.505.349

(*) Trong năm 2014, Tập đoàn đã nhận được cổ tức được chia từ công ty này bằng tiền là 854.809.700 đồng. Tại ngày 31/12/2014, Tập đoàn không xác định được giá trị sổ sách của chứng khoán chưa niêm yết này do chưa thu thập được Báo cáo Kiểm toán của công ty nhận đầu tư nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

11. Tài sản dài hạn khác

		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(11.1)	72.489.560.247	75.330.773.755
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.2)	14.836.039.308	9.718.930.108
Tài sản dài hạn khác	(11.3)	4.383.669.523	3.932.492.903
Cộng		91.709.269.078	88.982.196.766

(11.1) Bao gồm:

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Phí hạ tầng khu công nghiệp trả trước		1.971.588.966	2.022.710.104
- Chi phí thuê đất trả trước	(*)	69.436.230.891	71.400.128.861
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		12.500.000	558.197.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí liên quan đến dự án Phú Mỹ chờ phân bổ	708.638.662	944.851.549
- Chi phí cải tạo nhà kho chờ phân bổ	-	26.919.192
- Chi phí trả trước dài hạn khác	360.601.728	377.966.310
Cộng	72.489.560.247	75.330.773.755

(*) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046	1.847.883.958	1.908.138.508
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đến ngày 16/8/2050	50.943.557.189	52.358.656.000
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh đến 29/12/2048	16.356.344.268	16.837.413.216
Chi phí đền bù tại lô đất số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (này là thành phố Hà Nội) đến tháng 7/2052	288.445.476	295.921.137
Cộng	69.436.230.891	71.400.128.861

(11.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.846.228.788	2.984.920.499
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.558.787.310	1.074.723.016
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.846.936.841	2.317.844.326
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.359.760.272	3.203.996.685
- Chi phí khấu hao	224.326.097	137.445.582
Cộng	14.836.039.308	9.718.930.108

(11.3) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản ký quỹ thuê tài chính	4.373.669.523	3.932.492.903
- Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000	-
Cộng	4.383.669.523	3.932.492.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Lợi thế thương mại

	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	4.140.354.324	5.262.309.621

(*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ.

13. Nợ ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	(13.1)	2.671.513.305.267	1.094.449.659.491
Phải trả người bán	(13.2)	709.988.034.022	1.225.845.430.891
Người mua trả tiền trước		17.935.019.465	9.608.426.957
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(13.3)	3.301.140.726	1.825.761.221
Phải trả người lao động		1.197.486.313	1.092.905.593
Chi phí phải trả	(13.4)	9.036.184.207	1.016.743.422
Các khoản phải trả khác	(13.5)	1.761.655.035	1.690.424.558
Quỹ khen thưởng phúc lợi		362.250.186	6.932.232.167
Cộng		3.415.095.075.221	2.342.461.584.300

(13.1) bao gồm:

		Số cuối năm	Số đầu năm
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	1.384.419.004.110	410.131.729.083
- NH TMCP Công Thương - CN Đồng Sài Gòn	(b)	390.067.454.441	111.000.000.000
- NH TMCP Công Thương - CN Quang Minh	(c)	79.986.806.035	52.428.333.974
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam	(d)	188.792.675.546	141.621.591.443
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	(e)	282.249.164.251	299.140.553.903
- NH TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM		-	20.000.000.000
- NH TNHH MTV Standard Chartered	(f)	184.705.837.595	-
- NH TMCP Quân đội - CN TPHCM	(g)	64.952.432.003	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(h)	44.941.203.204	-
- Các khoản vay từ các cá nhân	(i)	8.917.000.000	37.747.000.000
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(14)	42.481.728.082	22.380.451.088
Cộng		2.671.513.305.267	1.094.449.659.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo 5 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 800,5 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VNĐ là từ 2,43% đến 5%/năm, USD là từ 2,1% đến 2,53%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; hợp đồng tiền gửi có ký hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **960.384.264.390** đồng. Trong đó, bao gồm 675.285.564.164 đồng và 13,347,942.33 USD tương đương 285.098.700.226 đồng.

13. Nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 14.1070077/2014-HĐTDHM/NHCT900 - THEP SMC ngày 18/8/2014; với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay 03 đến 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 5%/năm (đối với VND), 2,5% - 2,53%/năm (đối với USD). Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **255.854.683.803 đồng**. Trong đó, bao gồm 158.865.887.926 đồng và 4,539,823.21 USD tương đương 96.988.795.877 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 14.1070118/2014 - HĐTDHM/NHCT900-CO KHI SMC ngày 30/9/2014 với hạn mức là 260 tỷ đồng; thời hạn vay: 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: 2,53%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **168.180.055.917 đồng**. Trong đó, bao gồm 91.630.427.151 đồng và 3,584,119.71 USD tương đương 76.549.628.766 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 90/2014-HĐTDHM/NHCT946-SMC BD ngày 02/6/2014 và văn bản sửa đổi bổ sung số 90/2014-HĐTD-SĐBS02/NHCT946-SMC BD ngày 16/9/2014 với hạn mức tín dụng là 240 tỷ đồng, thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 2,42%-2,53%/năm (áp dụng chương trình vay vốn VND tham chiếu lãi suất USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng số 12.39.0009B/HĐTC ngày 18/7/2012, hợp đồng số 01/2013-HĐTCHH/NHCT946-SMC BD ngày 25/7/2013 và hợp đồng số 01/2013-HĐTCNT/NHCT946-SMC BD ngày 25/7/2013 và tài sản của bên thứ 3. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **181.215.875.652 đồng**.

- Hợp đồng tín dụng số 111/2014-HĐTDHM/NHCT946-KDT SMC ngày 20/6/2014 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: 2,45%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **45.134.448.960 đồng**.

- Hợp đồng tín dụng số 275/2014-HĐTDHM/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 12/12/2014 với hạn mức tín dụng 300 tỷ đồng; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 2,53%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất, máy móc thiết bị, dây chuyền máy cắt thép, hàng hóa luân chuyển, các khoản phải thu luân chuyển, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng An Bình và các văn bản bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **163.717.129.829 đồng**.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh** theo các Hợp đồng Tín dụng số 14.048.0204-HĐTĐHM/NHCT264- SMCHN ngày 10/4/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14.48.0204/2014-HĐTĐ-SDDBS01/NHCT264-SMCHN ngày 30/9/2014. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 3,5 - 5%/năm, thời hạn vay từ 2 - 3 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng hóa có nguồn gốc hình thành từ vốn vay ngân hàng và các tài sản khác theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 13.43.0022/HĐTC ngày 22/02/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của Công ty CP Đầu tư và Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **79.986.806.035 đồng**.

(d) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)** theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM 140531 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty CP SMC Hà Nội, Công ty và Ngân hàng ngày 23/7/2014 với tổng hạn mức là 213 tỷ đồng; thời hạn vay: 02 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: từ 4,05%/năm đến 5,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa của các công ty với tổng giá trị đảm bảo là 323 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **188.792.675.546 đồng**.

(e) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013 và các phụ lục đính kèm với hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 01 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VNĐ là 5%/năm, đối với USD 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **282.249.164.251 đồng**. Trong đó, bao gồm 150.322.298.103 đồng và 6,176,640.58 USD tương đương 131.926.866.148 đồng.

(f) Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)** theo các hợp đồng tín dụng như sau:
- Hợp đồng tín dụng số SBFL/14-43 ngày 13/5/2014 với hạn mức tín dụng là 20,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VNĐ là từ 4,8% đến 5,1%/năm, USD là 2,8%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **132.714.701.805 đồng**. Trong đó, bao gồm 76.776.179.244 đồng và 2,618,967.30 USD tương đương 55.938.522.561 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số BFL/13-30 ngày 10/6/2013 và bản sửa đổi thư cấp hạn mức tín dụng số SBFL/14-42 ngày 25/4/2014 với tổng hạn mức là 5,000,000.00 USD; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: 2,8%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **2,433,586.21 USD** tương đương 51.991.135.790 đồng.

(g) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Quân Đội** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 201.14.110.813881.TD ngày 10/7/2014 và hợp đồng sửa đổi ngày 28/7/2014 với hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo là hàng hóa hiện hữu của Công ty, khoản phải thu hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **64.952.432.003 đồng**.

(h) Khoản vay **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng** theo hợp đồng tín dụng số 214/2014/HĐTD/CIB ngày 10/11/2014 với tổng hạn mức là 50 tỷ đồng; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị đảm bảo là 50 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **2,104,087.42 USD** tương đương 44.941.203.204 đồng.

(i) Các khoản **vay cá nhân** được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 7,2%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.2) Bao gồm:

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)		160.557.926.664	55.502.664.249
- Phải trả thương mại	(*)	549.430.107.358	1.170.342.766.642
Cộng		709.988.034.022	1.225.845.430.891

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả có gốc ngoại tệ là 1,048,660.13 USD tương đương 22.398.257.717 đồng.

(13.3) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	25.093.022	644.460.988
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.044.163.046	788.741.656
- Thuế thu nhập cá nhân	231.884.658	392.558.577
Cộng	3.301.140.726	1.825.761.221

(13.4) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	4.207.839.524	1.016.743.422
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VNĐ với lãi suất USD	4.129.048.454	-
- Chi phí còn phải trả khác	699.296.229	-
Cộng	9.036.184.207	1.016.743.422

(13.5) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	292.290.552	139.926.019
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	1.194.750.000	1.194.750.000
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	178.491.048	-
- Các khoản phải trả khác	96.123.435	355.748.539
Cộng	1.761.655.035	1.690.424.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nợ dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc cho thuê kho)		-	210.600.000
Vay và nợ dài hạn	(*)	118.453.780.022	152.645.857.774
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		18.194.085	177.971.848
Doanh thu chưa thực hiện		2.597.510.251	-
Cộng		121.069.484.358	153.034.429.622

(*) Bao gồm:

		Số cuối năm	Số đầu năm
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	35.138.000.000	49.786.000.000
- NH TMCP Công Thương - CN Đồng Sài Gòn	(b)	76.300.000.000	60.000.000.000
- NH TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam)	(c)	13.071.708.000	34.683.180.000
-NH TNHH Indovina	(d)	9.421.524.000	-
- Nợ dài hạn	(e)	27.004.276.104	30.557.128.862
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(42.481.728.082)	(22.380.451.088)
Cộng		118.453.780.022	152.645.857.774

14. Nợ dài hạn (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009, tổng hạn mức tín dụng: 99,9 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay thực hiện dự án đầu tư nhà máy Cơ khí Thép SMC tại khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 11,3%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là **20.090.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 11.480.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 12.146001/HĐTD.DH ngày 12/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 12.146011-02/HĐTDBS ngày 01/11/2014 với số tiền vay tối đa 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là thực hiện dự án đầu tư hạng mục xây dựng Trung tâm gia công thép lá cuộn tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay là 78 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất cho vay tại 31/12/2014 là 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền phát sinh liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12.146001/HĐTC.HTTTL ngày 12/12/2012 với giá trị tài sản là 34.294.000.000 đồng. Lịch trả nợ hàng quý bắt đầu từ 01/7/2013 với số tiền trả nợ là 792 triệu đồng/quý. Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 31/12/2014 là **15.048.000.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 3.168.000.000 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2013-HĐTDDA/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 11/9/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 22/2013-HĐTD-SĐBS01/NHCT946-SMC TAN TAO với hạn mức tín dụng 82 tỷ đồng; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án Trung tâm gia công thép tấm tại KCN Tân Tạo; thời hạn vay: 78 tháng; lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

suất vay tại ngày 31/12/2014 là 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **76.300.000.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 14.400.000.000 đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: 2,85%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 612,000.00 USD tương đương **13.071.708.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 133,200.00 USD tương đương 2.845.018.800 đồng.

(d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Indovina theo hợp đồng vay vốn số 81/1014/MTL/1031615 ngày 17/10/2014, với số tiền vay là 441,000.00 USD, với thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay mua máy xả băng SL-1300-032 và lãi suất vay tại 31/12/2014 là 4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 81/1014/HDTCTMM với giá trị ước tính là 519.000 USD. Số dư nợ đến ngày 31/12/2014 là **441,000.00 USD** tương đương 9.421.524.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 88,200.00 USD tương đương 1.884.304.800 đồng.

(e) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	USD	Tương đương VNĐ
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	421.396,21	9.000.601.649
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	364.634,27	7.788.223.373
- Hợp đồng số 2012-00101-000 ngày 29/11/2012	296.613,11	6.336.842.482
- Hợp đồng thuê tài chính số 2014 – 00116 – 000 ngày 23/7/2014	-	2.256.746.993
- Hợp đồng số 2014-00117-000 ngày 23/7/2014		1.621.861.607
Cộng (**)	1.082.643,59	27.004.276.104

(**) Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 8.704.404.482 đồng, bao gồm 870.202.250 đồng và 366,768.00 USD tương đương 7.834.202.232 đồng.

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Vốn khác của chủ sở hữu	5.373.000.000	-	-	5.373.000.000
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	78.999.423.263	-	-	78.999.423.263
Quỹ dự phòng tài chính	16.652.246.243	-	-	16.652.246.243
(b) Lợi nhuận chưa phân phối	19.025.995.642	19.899.403.172	26.008.666.085	12.916.732.728
Cộng	568.623.552.508	19.899.403.172	26.008.666.085	562.514.289.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(b) Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận lũy kể đến 01/01/2014	19.025.995.642
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm	19.899.403.172
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.095.515.509)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2013 (3%)	(8.853.492.900)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2014 (5%)	(14.755.821.500)
- Chi thù lao HĐQT	(298.491.048)
- Khoản khác	(5.345.128)
- Lợi nhuận lũy kể đến 31/12/2014	12.916.732.728

16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	4.417.957.565	3.853.029.685

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	10.890.200.976.757	9.649.598.118.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.750.953.182	10.396.218.459
Hàng bán bị trả lại	(1.684.642.514)	(7.495.127.525)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giảm giá hàng bán	(817.472.303)	(1.426.061.465)
Cộng	10.911.449.815.122	9.651.073.147.934

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	10.585.932.315.172	9.377.978.436.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.599.322.242	71.740.019
Cộng	10.588.531.637.413	9.378.050.176.538

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	32.654.954.940	4.112.945.404
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	1.123.764.305	871.111.111
Lãi trái phiếu	-	1.535.000.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	1.599.246.856	652.679.330
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.995.574.796	22.154.609.153
Lãi bán chứng khoán	14.317.000	2.685.963.370
Cổ tức, lợi nhuận được chia	964.186.400	1.088.620.980
Doanh thu tài chính khác	-	208.169.318-
Cộng	55.352.044.297	33.309.098.666

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	73.872.034.360	70.151.562.842
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VNĐ tham chiếu lãi suất USD	4.610.196.494	-
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	16.701.557.911	957.649.437
Lỗ bán chứng khoán	23.856.740	2.331.577.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.690.614.812	19.990.759.678
Chi phí tài chính khác	124.297	323.213.294
Cộng	118.898.384.614	93.754.762.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.561.879.367	17.412.585.051
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	97.678.506	120.796.124
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.172.898.356	4.684.012.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.965.711.678	85.214.315.630
Chi phí khác bằng tiền	18.004.543.063	12.359.160.218
Cộng	151.802.710.970	119.790.869.962

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.983.422.071	20.099.407.527
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.026.098.382	975.589.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.178.029.677	11.619.710.927
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	29.821.090.316	2.359.589.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.702.077.135	24.772.103.744
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	1.121.955.297	1.121.955.297
Chi phí bằng tiền khác	8.740.051.035	7.569.118.192
Cộng	97.572.723.913	68.517.474.800

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	9.386.640.321	10.301.867.370
Thu từ chuyển nhượng bất động sản	5.636.363.636	-
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	449.403.031	396.919.172
Thu tiền bồi thường	1.553.583.738	3.561.803.654
Thu lãi vi phạm hợp đồng	119.297.902	-
Thu lãi quá hạn	3.706.110.555	4.200.503.234
Xử lý kiểm kê	2.345.690.812	1.568.029.643
Thu nhập khác	888.803.814	502.340.938
Cộng	24.085.893.809	20.531.464.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.456.441.486	6.775.223.274
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	5.162.158.099	-
Các khoản tiền phạt	80.316.892	1.073.778.597
Xử lý kiểm kê	725.171.100	2.814.813.894
Thuế TNDN bổ sung năm 2012	-	1.747.323.790
Chi phí khác	556.559.230	629.960.555
Cộng	11.980.646.807	13.041.100.110

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	156.653.582	-
- Công ty TNHH Thép SMC	4.668.751.341	2.904.148.615
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	-	2.441.093.721
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	4.146.838.793	1.932.223.465
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	636.517.696	33.273.558
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	84.187.066	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.692.948.478	7.310.739.359

10. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(4.861.308.288)	2.372.623.832
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.529.092.515)	1.233.624.358
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(484.064.294)	678.004.934
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.903.478.033	(3.203.996.685)
- Chênh lệch tỷ giá	(81.573.802)	219.273.960
- Chi phí khấu hao	(224.326.097)	-
Cộng	(5.276.886.963)	1.299.530.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.899.403.172	26.059.471.723
Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.899.403.172	26.059.471.723
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.511.643	29.511.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	674	883

VII. Thông tin khác

1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	74.237.146.292
		Phải thu khác	257.000.000
		Phải trả	(160.557.926.664)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.194.750.000)

Trong năm tài chính này, Tập đoàn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Bán hàng hoá	800.626.993.972
		Cung cấp dịch vụ	5.753.540.304
		Mua hàng hóa	(485.802.926.975)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2014, Công ty báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	7.156.630.878.390	1.007.190.202.029	2.260.632.351.896	486.996.382.807	-	10.911.449.815.122
Giữa các bộ phận	2.470.287.850.928	296.562.291.244	1.413.175.468.959	17.504.856.004	(4.197.530.467.135)	-
Tổng cộng doanh thu thuần	9.626.918.729.318	1.303.752.493.273	3.673.807.820.855	504.501.238.811	(4.197.530.467.135)	10.911.449.815.122
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	191.197.236.770	24.363.001.506	90.815.272.173	17.491.629.434	(948.962.174)	322.918.177.709
Chi phí hoạt động	(157.481.457.200)	(19.841.493.277)	(62.647.178.203)	(9.545.273.947)	139.967.744	(249.375.434.883)
Thu nhập tài chính	97.646.757.678	239.265.143	3.575.491.777	59.225.269	(46.168.695.570)	55.352.044.297
Chi phí tài chính	(117.474.325.358)	(4.210.964.958)	(28.002.770.562)	(5.792.950.061)	36.582.626.325	(118.898.384.614)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	6.995.544.404	949.740.854	6.311.532.686	944.362.066	(3.095.933.008)	12.105.247.002
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	2.778.743.056	-	-	-	-	2.778.743.056
Lợi nhuận trước thuế	23.662.499.350	1.499.549.268	10.052.347.871	3.156.992.761	(13.490.996.683)	24.880.392.566
Chi phí thuế TNDN	899.444.752	(329.836.159)	(2.185.590.087)	-	(2.800.080.020)	(4.416.061.514)
Lợi nhuận sau thuế	24.561.944.101	1.169.713.109	7.866.757.784	3.156.992.761	(16.291.076.703)	20.464.331.052
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	3.324.705.291.702	230.670.853.701	1.390.091.181.197	198.135.364.238	(1.055.341.923.408)	4.088.260.767.430
Tài sản thuế hoãn lại	12.823.544.421	970.565.894	3.842.009.013	-	(2.800.080.020)	14.836.039.308
Tổng tài sản	3.337.528.836.123	231.641.419.595	1.393.933.190.210	198.135.364.238	(1.058.142.003.428)	4.103.096.806.739
Nợ phải trả của bộ phận	2.663.947.279.864	200.471.706.486	1.239.158.770.536	173.446.442.804	(740.859.640.111)	3.536.164.559.579
Mua sắm tài sản cố định	101.256.535.230	-	3.971.159.942	962.987.473	(30.836.325.438)	75.354.357.207
Chi phí khấu hao	18.469.728.811	565.252.675	20.068.527.135	3.252.688.912	2.782.972.140	45.139.169.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD như sau:

	USD	Tương đương VNĐ
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	2.301.212,25	49.153.463.476
- Phải thu khách hàng	3.821.749,16	81.641.376.270
Cộng	6.122.961,41	130.794.839.746
Nợ tài chính		
- Vay và nợ ngắn hạn	34.805.166,76	743.434.852.572
- Phải trả người bán	1.048.660,13	22.398.257.717
- Vay và nợ dài hạn	2.135.643,59	45.618.899.504
Cộng	37.989.470,48	811.452.009.793
Mức rủi ro tiền tệ	(31.866.509,07)	(680.657.170.047)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (34.032.858.502) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2014	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng	888.277.079.167	17.765.541.583
- Cho vay ngắn hạn	12.900.000.000	258.000.000
- Ký quỹ	5.213.566.000	104.271.320
Cộng	906.390.645.167	18.127.812.903
Nợ phải trả có lãi suất	31/12/2014	Biến động lãi suất 2%
- Các khoản vay và nợ	2.789.967.085.289	55.799.341.706
Cộng	2.789.967.085.289	55.799.341.706
Chênh lệch		(37.671.528.803)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất hoặc tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (37.671.528.803 đồng).

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	2.671.513.305.267	118.453.780.022	2.789.967.085.289
- Phải trả người bán	709.988.034.022	-	709.988.034.022
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.301.140.726	-	3.301.140.726
- Phải trả người lao động	1.197.486.313	-	1.197.486.313
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	10.797.839.242	-	10.797.839.242
Cộng	3.396.797.805.570	118.453.780.022	3.515.251.585.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

4.2 Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh tại mục số 13.1 và 14* - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	So sánh với giá thị trường		Đơn vị tính: 1.000 đồng		
	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	3.953.039	-	(2.519.411)	1.433.628	(2.519.411)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	3.608.392	-	(1.099.054)	2.509.338	(1.099.054)
Tiền gửi có kỳ hạn	888.277.079	-	-	888.277.079	-
Cho vay	12.900.000	-	-	12.900.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	33.599.960	-	(21.587.960)	12.012.000	(21.587.960)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	14.895.807	-	(12.861.529)	2.034.278	(12.861.529)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	77.365.000	4.658.671	(16.387.023)	65.636.648	(15.051.773)
Cộng	1.034.599.277	4.658.671	(54.454.977)	984.802.971	(53.119.727)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 31/12/2014, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác: do Tập đoàn không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nên Tập đoàn ghi nhận theo giá gốc đầu tư ban đầu hoặc theo giá trị xét đoán của Ban Giám đốc.

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

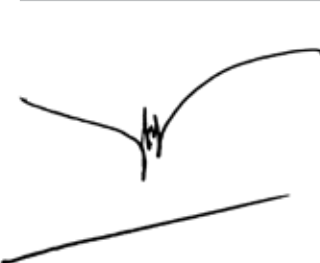
Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.174.076.860.969 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2014
Tổng gộp	65.843.493.567
Trừ dự phòng giảm giá trị	(54.511.324.201)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	11.332.169.366
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm	(24.690.233.885)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(33.198.640.958)
Giảm do hoàn nhập	3.377.550.642
Số dư cuối năm	(54.511.324.201)

		
Nguyễn Thị Hồng Phúc Người lập biểu	Đỗ Doãn Thành Công Kế toán trưởng	Nguyễn Ngọc Anh Tổng Giám đốc Ngày 16 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3899 2299 - Fax: (84-8) 3898 0909

www.smc.vn

Nhóm thực hiện:

1. Nguyễn Bình Trọng
2. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
3. Hoàng Thị Kiều
4. Mai Hữu Thọ